



NGUYỄN TRÀ MY – PHẠM ĐỖ VĂN TRUNG (đồng Chủ biên)
NGUYỄN KHÁNH BĂNG – TRẦN THỊ NGỌC HÂN
NGUYỄN CHÍ TUẤN

Vở bài tập

LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

NGUYỄN TRÀ MY – PHẠM ĐỖ VĂN TRUNG (đồng Chủ biên)
NGUYỄN KHÁNH BĂNG – TRẦN THỊ NGỌC HÂN – NGUYỄN CHÍ TUẤN

Vở bài tập

LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ

4

Chân trời sáng tạo

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

MỤC LỤC

MỤC LỤC	2
LỜI NÓI ĐẦU	3
MỞ ĐẦU	
Bài 1. Làm quen với phương tiện học tập môn Lịch sử và Địa lí	5
CHỦ ĐỀ 1: ĐỊA PHƯƠNG EM (TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG)	
Bài 2. Thiên nhiên và con người ở địa phương em	9
Bài 3. Lịch sử và văn hoá truyền thống địa phương em	12
CHỦ ĐỀ 2: TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ	
Bài 4. Thiên nhiên vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ	14
Bài 5. Dân cư và hoạt động sản xuất ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ	16
Bài 6. Một số nét văn hoá ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ	18
Bài 7. Đền Hùng và Lễ giỗ Tổ Hùng Vương	20
CHỦ ĐỀ 3: ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ	
Bài 8. Thiên nhiên vùng Đồng bằng Bắc Bộ	22
Bài 9. Dân cư và hoạt động sản xuất ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ	25
Bài 10. Một số nét văn hoá ở làng quê vùng Đồng bằng Bắc Bộ	30
Bài 11. Sông Hồng và văn minh sông Hồng	32
Bài 12. Thăng Long – Hà Nội	35
Bài 13. Văn Miếu – Quốc Tử Giám	38
CHỦ ĐỀ 4: DUYÊN HẢI MIỀN TRUNG	
Bài 14. Thiên nhiên vùng Duyên hải miền Trung	40
Bài 15. Dân cư và hoạt động sản xuất ở vùng Duyên hải miền Trung	44
Bài 16. Một số nét văn hoá ở vùng Duyên hải miền Trung	49
Bài 17. Cố đô Huế	51
Bài 18. Phố cổ Hội An	55
CHỦ ĐỀ 5: TÂY NGUYÊN	
Bài 19. Thiên nhiên vùng Tây Nguyên	57
Bài 20. Dân cư và hoạt động sản xuất ở vùng Tây Nguyên	62
Bài 21. Một số nét văn hoá và lịch sử của đồng bào Tây Nguyên	65
Bài 22. Lễ hội Cồng chiêng Tây Nguyên	67
CHỦ ĐỀ 6: NAM BỘ	
Bài 23. Thiên nhiên vùng Nam Bộ	69
Bài 24. Dân cư và hoạt động sản xuất ở vùng Nam Bộ	72
Bài 25. Một số nét văn hoá và truyền thống cách mạng ở vùng Nam Bộ	76
Bài 26. Thành phố Hồ Chí Minh	79
Bài 27. Địa đạo Củ Chi	81

LỜI NÓI ĐẦU

Các em học sinh thân mến!

Các em đang cầm trong tay cuốn *Vở bài tập Lịch sử và Địa lí 4* (bộ sách *Chân trời sáng tạo*), một tài liệu hữu ích sẽ hỗ trợ các em trong quá trình học tập môn Lịch sử và Địa lí 4.

Sách được thiết kế với những bài tập hấp dẫn, thú vị, gắn với phát triển ba thành phần năng lực: tìm hiểu lịch sử và địa lí; nhận thức khoa học lịch sử và địa lí; vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. Các bài tập này giúp các em có thể ôn tập lại những gì đã học ở trên lớp.

Những dạng bài các em sẽ gặp trong cuốn sách là: điền từ, cụm từ thích hợp; nối thông tin; bài tập trắc nghiệm nhiều lựa chọn, hoặc đưa ra ý kiến của bản thân về những vấn đề của thực tiễn cuộc sống như đề xuất những biện pháp bảo vệ môi trường sống, bảo tồn các di tích văn hoá lịch sử hay phát biểu cảm nghĩ của bản thân về những câu chuyện lịch sử, văn hoá. Tất cả đều sẽ là những trải nghiệm thú vị của các em trong chuyến hành trình khám phá lịch sử, văn hoá và địa lí của đất nước ta nói chung và các vùng miền nói riêng.

Chúc các em học tập tốt!

CÁC TÁC GIẢ



MỞ ĐẦU

Bài 1

LÀM QUEN VỚI PHƯƠNG TIỆN HỌC TẬP MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ

Câu 1. Em hãy chọn một vài trang bất kì trong SGK có phương tiện học tập để xác định tên, phân loại và nêu nội dung của các phương tiện này. Hoàn thành thông tin vào bảng dưới đây:

Số thứ tự	Tên phương tiện	Phân loại	Nội dung
.....			
.....			
.....			

Câu 2. Quan sát hình 1, em hãy điền vào chỗ trống (.....) thông tin về các yếu tố của lược đồ.



Câu 3. Em hãy đánh dấu ✓ vào ☐ trước yếu tố của lược đồ không có trong hình 1.

- ☐ Phương hướng.
 ☐ Bảng chú giải.
 ☐ La bàn.
- ☐ Tỉ lệ lược đồ.
 ☐ Tên lược đồ.

Câu 4. Em hãy đánh dấu ✓ vào ☐ trước kí hiệu thủ đô trong hình 1.

- ☐
☐
- ☐ ★
 ☐ 1 541

Câu 5. Quan sát hình 2, em hãy cho biết:

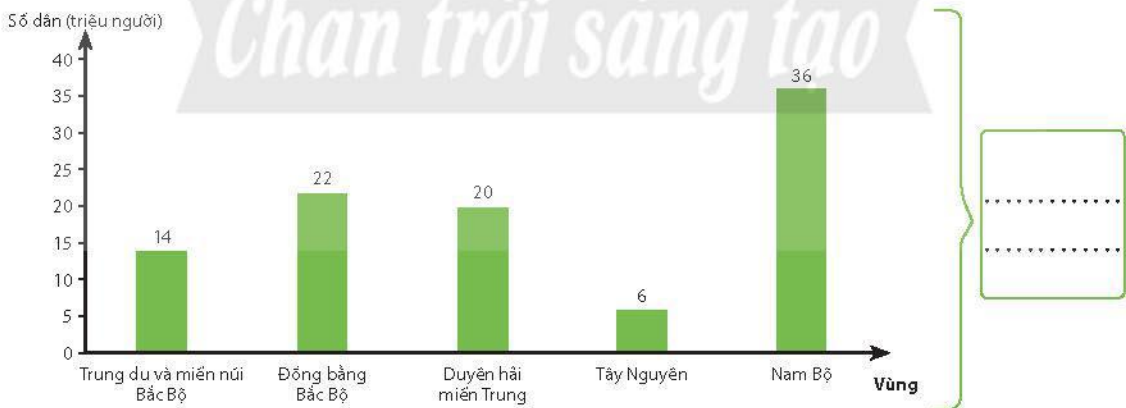


1. Quê hương của Bà Triệu.

2. Nơi Bà Triệu dựng cờ khởi nghĩa.

Hình 2. Lược đồ khởi nghĩa Bà Triệu

Câu 6. Em hãy điền vào chỗ trống (.....) các yếu tố của biểu đồ cho phù hợp.



Hình 3. Biểu đồ số dân các vùng ở nước ta, năm 2020

Câu 7. Dựa vào hình 3, em hãy sắp xếp số dân các vùng ở nước ta theo thứ tự tăng dần.

Thứ hạng	Tên vùng
1	
2	
3	
4	
5	

Câu 8. Dựa vào bảng số liệu *Độ cao trung bình của các cao nguyên ở vùng Tây Nguyên* trang 8 trong SGK, em hãy trả lời câu hỏi:

1. Bảng số liệu thể hiện nội dung nào về các cao nguyên ở vùng Tây Nguyên?

.....

2. Các cao nguyên trong bảng số liệu thuộc vùng nào ở nước ta?

.....

Câu 9. Quan sát hình 4, em hãy cho biết:

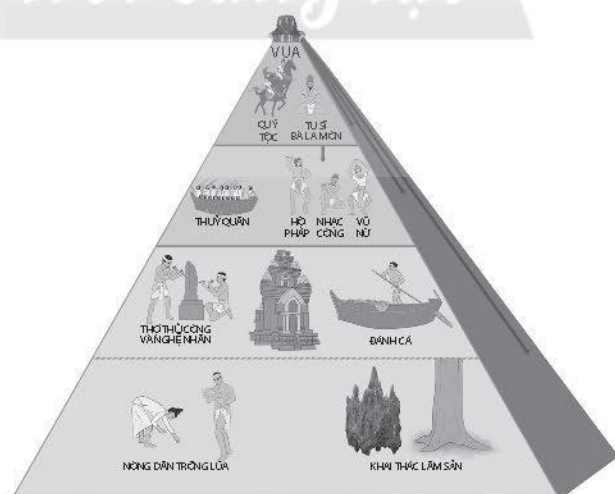
1. Tên sơ đồ.

.....

2. Tên các tầng lớp trong xã hội Chăm-pa.

.....

.....



Hình 4. Sơ đồ tổ chức xã hội Chăm-pa

Chủ đề 1: ĐỊA PHƯƠNG EM (TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG)

Bài 2

THIÊN NHIÊN VÀ CON NGƯỜI Ở ĐỊA PHƯƠNG EM

Câu 1. Quan sát hình 1 trang 6 trong SGK, em hãy đánh dấu ✓ vào ☐ trước thông tin đúng với tỉnh Hà Giang.

- ☐ Giáp với Trung Quốc ở phía bắc.
- ☐ Tiếp giáp với tỉnh Cao Bằng ở phía nam.
- ☐ Có một dòng sông chảy qua.
- ☐ Không tiếp giáp với biển.

Câu 2. Em hãy đánh dấu ✓ vào ☐ trước thông tin đúng với địa phương em đang sinh sống.

- ☐ Giáp biển.
- ☐ Có sông chảy qua.
- ☐ Có hồ lớn.
- ☐ Thuộc vùng đồng bằng.
- ☐ Khí hậu có hai mùa.
- ☐ Có núi.

Câu 3. Em hãy sắp xếp tên các ngành, nghề kinh tế cho sẵn trong các ô dưới đây vào các cột tương ứng.

Trồng lúa	Nuôi cá tra	Nuôi lợn	Y tế	Trồng chè
Khai thác dầu mỏ	Chế biến bánh kẹo	Nuôi gà công nghiệp	Trồng rau trong nhà kính	Chế biến sữa
Giao thông đường biển	Bán hàng ở chợ	Trồng cây ăn quả	Chế biến phân bón	Sản xuất ô tô
Nuôi tôm	Thủy điện	Chạy xe ta-xi	Ngân hàng	Đóng tàu

Nông nghiệp	Công nghiệp	Dịch vụ
.....		
.....		
.....		
.....		
.....		
.....		
.....		
.....		
.....		

Câu 4. Quan sát hình 1 trang 6 trong SGK kết hợp đọc đoạn thông tin dưới đây và thực hiện các yêu cầu.

Đà Lạt là thành phố du lịch nổi tiếng của nước ta. Nằm ở độ cao trung bình 1 500 m, trên cao nguyên Lâm Viên của tỉnh Lâm Đồng nên Đà Lạt quanh năm có khí hậu mát mẻ, ôn hoà. Nhiệt độ trung bình năm của Đà Lạt khoảng 19°C. Đà Lạt có cảnh quan đặc sắc với những ngọn núi, thác nước, rừng cây,... trong đó Lang Biang (2 163 m) là ngọn núi tiêu biểu. Đến với Đà Lạt, du khách sẽ được tham quan các địa danh nổi tiếng như hồ Xuân Hương, hồ Tuyền Lâm, hồ Than Thở, Thung lũng Vàng, thác Datanla, thác Prenn, Dinh Bảo Đại,... hay những công trình mang tính biểu tượng của Đà Lạt như chợ Đà Lạt, nhà thờ Con Gà, Trường Cao đẳng Sư phạm Đà Lạt, quảng trường Lâm Viên,...

1. Cho biết tên các tỉnh tiếp giáp với tỉnh Lâm Đồng.

.....

2. Tại sao Đà Lạt có khí hậu mát mẻ?

.....

3. Ngành kinh tế nào được nhắc đến trong đoạn thông tin trên? Ngành đó thuộc nhóm ngành nào em đã học?

.....

4. Em hãy sưu tầm thông tin về một biểu tượng nổi tiếng của thành phố Đà Lạt và ghi những điều em biết về biểu tượng đó vào chỗ trống (.....) dưới đây.

.....

.....

Câu 5. Em hãy nối biểu tượng của một số ngành kinh tế (cột A và cột C) tương ứng với thông tin về điều kiện sản xuất thuận lợi (cột B) ở địa phương.

Cột A	Cột B	Cột C
 1. Giao thông vận tải biển	A. Địa hình bằng phẳng và đất phù sa. B. Nhiều sông, hồ, đầm, ao.	 4. Du lịch
 2. Nuôi thủy sản	C. Có bờ biển dài, vùng biển rộng lớn. D. Địa hình cao, đất đỏ.	 5. Trồng cà phê
 3. Trồng lúa	E. Có nguồn quặng, mỏ khoáng sản. G. Có khí hậu mát mẻ, nhiều cảnh đẹp	 6. Trồng cây ăn trái
		 7. Khai thác mỏ

Bài 3

LỊCH SỬ VÀ VĂN HOÁ TRUYỀN THỐNG ĐỊA PHƯƠNG EM

Câu 1. Em hãy sưu tầm các thông tin về một số nét văn hoá của địa phương em và điền vào chỗ trống (.....) trong bảng dưới đây:

(Em cũng có thể lựa chọn thêm các nội dung khác để ghi vào cột 4 của bảng)

STT	Ẩm thực (1)	Trang phục (2)	Nhà ở (3)	 (4)
Mô tả				
				
				
				
				
				
				
				
				
				
				
				
				
				
				

Câu 2. Em hãy sưu tầm các thông tin về một danh nhân văn hoá của địa phương em và điền vào chỗ trống (.....) trong bảng dưới đây:

Tên danh nhân	
Năm sinh	
Năm mất (nếu đã mất)	
Quê quán	
Quá trình hoạt động	
Đóng góp nổi bật	
Khen thưởng (nếu có)	

Chủ đề 2: TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ

Bài 4

THIÊN NHIÊN VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ

Câu 1. Quan sát hình 4 trang 16 trong SGK, em hãy:

1. Hoàn thành bảng dưới đây về một số đối tượng tự nhiên của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

STT	Đối tượng	Tên đối tượng
1	Điểm cực Bắc	
2	Một dãy núi	
3	Một hòn đảo	
4	Một cao nguyên	
5	Một đỉnh núi	
6	Một vịnh biển	

2. Đánh dấu ✓ vào ☐ trước thông tin đúng với vị trí địa lí của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

- ☐ Không giáp biển.
- ☐ Giáp với Trung Quốc và Lào.
- ☐ Giáp với vùng Đồng bằng Bắc Bộ ở phía nam.
- ☐ Hai điểm cực Bắc và cực Tây của nước ta lần lượt thuộc tỉnh Điện Biên và Hà Giang.

3. Đánh dấu ✓ vào ☐ trước thông tin *không* đúng với đặc điểm sông, hồ của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

☐ Sông Hồng nằm giữa sông Đà và sông Chảy.

☐ Hồ Hoà Bình nằm trên sông Đà.

☐ Hồ Ba Bể nằm giữa hai cánh cung Ngân Sơn và Bắc Sơn.

☐ Hồ Thác Bà nằm trên sông Chảy.

4. Kết hợp với kiến thức đã học, chọn từ thích hợp cho sẵn trong các ô dưới đây điền vào chỗ trống (.....) để hoàn thành đoạn thông tin.

Hoàng Liên Sơn	cao nhất	khúc khuỷu
Mộc Châu	thủy điện	4 dãy núi hình cánh cung

Trung du và miền núi Bắc Bộ có địa hình phức tạp. Vùng có là dãy núi nước ta. Địa hình của vùng có và đường bờ biển Do có địa hình cao và nhiều sông lớn nên vùng có tiềm năng lớn nhất cả nước.

Câu 2. Em hãy nối các thông tin ở cột A với thông tin của cột B cho phù hợp về đặc điểm tự nhiên của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Cột A	Cột B
1. Địa hình	A. Có tiềm năng về thủy điện, thủy lợi và du lịch.
	B. Có mùa đông lạnh nhất nước, đôi khi có tuyết rơi.
2. Khí hậu	C. Có nhiều mặt bằng rộng lớn, thích hợp cho trồng trọt.
	D. Có dãy Hoàng Liên Sơn cao, hiểm trở, đi lại khó khăn.
3. Sông, hồ	E. Vào mùa mưa, nguy cơ xảy ra lũ cao.
	G. Thuận lợi trồng được cây xứ nóng và xứ lạnh.

Bài 5

DÂN CƯ VÀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT Ở VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ

Câu 1. Quan sát hình 1 trang 21 trong SGK, em hãy:

1. Kết hợp với kiến thức đã học, đánh dấu ✓ vào ☐ trước thông tin đúng với đặc điểm dân cư vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

- ☐ Đây là vùng có nhiều dân tộc thiểu số như người Chăm, Khơ-me, Mông, Dao,...
- ☐ Dân cư trong vùng phân bố khá đều, nhiều tỉnh có mật độ dân số trên 200 người/km².
- ☐ Nơi có địa hình thấp, dân cư tập trung đông đúc.
- ☐ Trên các khu vực núi cao, dân cư thưa thớt.

2. Hoàn thành bảng dưới đây về mật độ dân số các tỉnh vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

STT	Mật độ dân số	Tên các tỉnh
1	Dưới 100 người/km ²	
2	Từ 100 – 200 người/km ²	
3	Trên 200 người/km ²	

Câu 2. Em hãy đánh dấu ✓ vào ☐ trước thông tin *không* đúng về hoạt động khai thác thủy điện ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

- ☐ Các công trình thủy điện cung cấp điện cho sản xuất và sinh hoạt.
- ☐ Thủy điện góp phần phát triển kinh tế của địa phương.
- ☐ Nhà máy thủy điện Sơn La nằm trên sông Hồng.
- ☐ Thủy điện giúp giảm lũ cho hạ lưu các sông.

Câu 3. Em hãy chọn từ hoặc cụm từ thích hợp cho sẵn trong các ô dưới đây điền vào chỗ trống (.....) để hoàn thành đoạn thông tin.

than đá	xuất khẩu	nhiên liệu
hầm lò	đời sống	nhà máy

Trung du và miền núi Bắc Bộ là vùng có tài nguyên khoáng sản phong phú. Một trong những khoáng sản quan trọng của vùng là, tập trung chủ yếu ở tỉnh Quảng Ninh. Than đá được khai thác chủ yếu theo hình thức với sản lượng hàng chục triệu tấn mỗi năm. Phần lớn than đá khai thác phục vụ cho hoặc làm cho các nhiệt điện. Một số ít than đá được dùng trong sinh hoạt của người dân.

Câu 4. Em hãy sưu tầm 1 hình ảnh và một số thông tin về ruộng bậc thang ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ. Dán hình ảnh minh họa vào các ô tương ứng và ghi lại thông tin theo gợi ý để chia sẻ với các bạn.



1. Tên địa danh có ruộng bậc thang.

.....

2. Cách thức canh tác, sản xuất lúa của đồng bào địa phương.

.....

3. Em sẽ làm gì để mọi người biết đến nhiều hơn các danh thắng ruộng bậc thang ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

.....

Bài 6

MỘT SỐ NÉT VĂN HOÁ Ở VÙNG TRUNG DU VÀ MIỀN NÚI BẮC BỘ

Câu 1. Với mỗi câu được phát biểu dưới đây, nếu từ hoặc cụm từ in đậm đúng, em hãy ghi Đ vào ☐, nếu từ hoặc cụm từ in đậm sai, em hãy ghi S vào ☐ và viết lại cho đúng.

1. Năm 2021 ☐, di sản Thực hành Then của người Tày, Nùng, Thái được UNESCO ☐ ghi danh là **Di sản văn hoá vật thể** ☐ đại diện của nhân loại.

2. Thông thường, chợ phiên **mỗi tháng** ☐ tổ chức họp một lần và bán các **nông sản** ☐, sản phẩm thủ công do chính người dân làm ra.

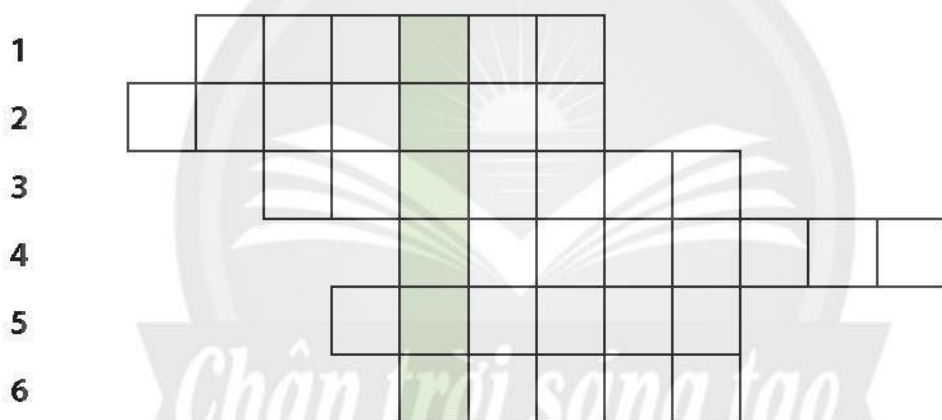
3. Mục đích của lễ hội **Lồng Tồng** ☐ là để cúng tạ trời đất, cầu phúc, cầu mưa thuận gió hoà, mùa màng bội thu.

Câu 2. Em hãy nối các thông tin ở cột A với thông tin ở cột B cho phù hợp.

Cột A	Cột B
1. Lễ hội Gầu Tào	A. Được tổ chức vào ngày đầu năm mới.
	B. Là lễ hội của người Tày, Nùng.
	C. Có các trò chơi truyền thống như kéo co, đánh cù, múa khèn, múa ô,...
	D. Có các trò chơi dân gian như đánh quay, đẩy gậy, thi cấy lúa,...
2. Lễ hội Lồng Tồng	E. Là lễ hội của người Mông.
	G. Trong lễ hội, một người đàn ông có uy tín sẽ đại diện cho dân bản cày đường cày đầu tiên để lấy may mắn cho vụ mùa.

Câu 3. Em hãy giải ô chữ hàng ngang theo gợi ý để tìm ra ô chữ hàng dọc.

1. Hàng ngang thứ nhất (6 chữ cái): Tên của một lễ hội truyền thống ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.
2. Hàng ngang thứ hai (7 chữ cái): Tên của một loại hình múa hát dân gian ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.
3. Hàng ngang thứ ba (7 chữ cái): Đây là một hoạt động giải trí dân gian trong lễ hội Gầu Tào.
4. Hàng ngang thứ tư (8 chữ cái): Tên của một loại hình chợ ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.
5. Hàng ngang thứ năm (6 chữ cái): Đây là một trò chơi dân gian trong lễ hội Lồng Tồng.
6. Hàng ngang thứ sáu (5 chữ cái): Đây là vật mà chủ lễ và các gia đình trong bản dâng cúng trong lễ hội Lồng Tồng.



Hàng dọc (6 chữ cái): Tên của một loại sản phẩm thủ công của người dân vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

* Ô chữ hàng dọc:

Bài 7

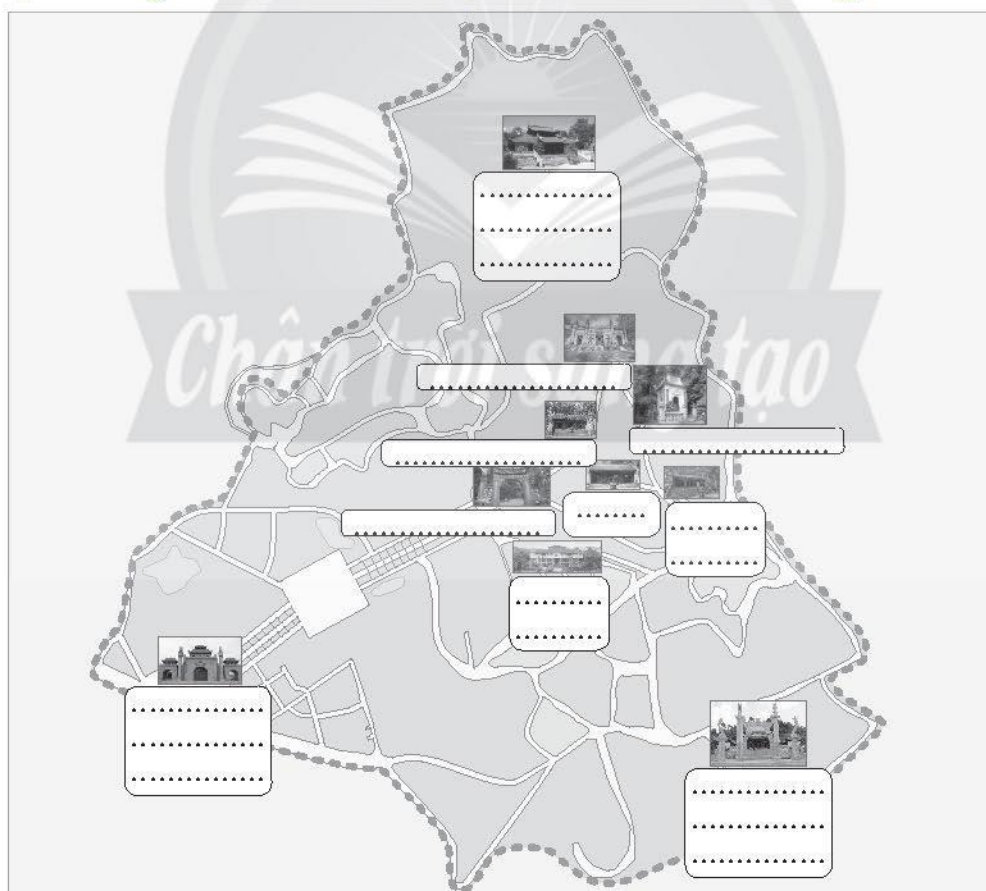
ĐỀN HÙNG VÀ LỄ GIỖ TỔ HÙNG VƯƠNG

Câu 1. Em hãy khoanh tròn vào chữ cái ứng với ý đúng.

Khu di tích Đền Hùng nằm ở những địa phương nào của tỉnh Phú Thọ?

- A. Thành phố Việt Trì, thị xã Phú Thọ, huyện Tam Nông.
- B. Thành phố Việt Trì, các huyện Lâm Thao và Tam Nông.
- C. Thành phố Việt Trì, các huyện Lâm Thao và Phù Ninh.
- D. Thị xã Phú Thọ, các huyện Lâm Thao và Phù Ninh.

Câu 2. Quan sát hình 2 trang 29 trong SGK, em hãy hoàn thành sơ đồ một số công trình kiến trúc nổi bật của khu di tích Đền Hùng.



Hình 1. Sơ đồ khu di tích Đền Hùng

Câu 3. Em hãy hoàn thiện thẻ nhớ về lễ giỗ Tổ Hùng Vương.

Lễ giỗ Tổ Hùng Vương	
Thời gian tổ chức:	
Phần lễ gồm:	
	
Phần hội gồm:	
	
Ý nghĩa:	
	
	
Cảm nhận của em về truyền thống dân tộc qua lễ giỗ Tổ Hùng Vương:	
	
	

Câu 4. Em hãy chọn từ hoặc cụm từ thích hợp cho sẵn trong các ô dưới đây điền vào chỗ trống (.....) để hoàn thành đoạn thông tin.

bọc trăm trứng	Rồng	Tiên
năm mươi	Văn Lang	Hùng Vương

Lạc Long Quân giống và Âu Cơ giống kết duyên vợ chồng. Âu Cơ sinh ra, nở trăm con. Sau đó, người con theo Âu Cơ lên núi, năm mươi người con theo Lạc Long Quân xuống biển, chia nhau trị vì các nơi.

Người con cả theo Âu Cơ lên núi được chọn làm vua, lấy hiệu là, đặt tên nước là, đóng đô ở Phong Châu (Phú Thọ ngày nay). Các đời vua sau đều gọi là Hùng Vương.

(Theo Nguyễn Đồng Chi, *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2000)

Chủ đề 3: ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ

Bài 8

THIÊN NHIÊN VÙNG ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ

Câu 1. Quan sát hình 2 trang 33 trong SGK và dựa vào kiến thức đã học, em hãy đánh dấu ✓ vào ☐ trước thông tin đúng về vị trí địa lí của vùng Đồng bằng Bắc Bộ.

- ☐ Có 3 mặt giáp biển, bao quanh là vịnh Bắc Bộ.
- ☐ Tiếp giáp với vùng Duyên hải miền Trung ở phía nam.
- ☐ Tiếp giáp với Lào và Trung Quốc.
- ☐ Phía tây và phía bắc của vùng giáp với vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Câu 2. Em hãy khoanh tròn vào chữ cái ứng với ý đúng.

Địa hình của vùng Đồng bằng Bắc Bộ có đặc điểm chính là gì?

- A. Khá cao, có một số vùng núi đá vôi.
- B. Tương đối bằng phẳng, có nhiều ô trũng.
- C. Rất bằng phẳng, thấp về phía biển.
- D. Thấp trũng, cao ở rìa phía tây và tây bắc.

Câu 3. Quan sát bảng số liệu trang 34 trong SGK, em hãy điền từ thích hợp vào chỗ trống (.....) để hoàn thành đoạn thông tin dưới đây.

Nhiệt độ trung bình năm của thành phố Hà Nội cao, tuy nhiên, có sự phân hoá rõ nét. Tháng có nhiệt độ cao nhất là tháng với °C. Tháng có nhiệt độ thấp nhất là tháng với °C. Chênh lệch nhiệt độ giữa tháng cao nhất và tháng thấp nhất là °C.

Lượng mưa trung bình năm của thành phố Hà Nội cao. Các tháng lượng mưa nhiều trên 100 mm và kéo dài liên tục trên ba tháng là, còn gọi là mùa mưa. Tháng mưa nhiều nhất là tháng với mm. Tháng mưa ít nhất là tháng với mm.

Câu 4. Em hãy chọn những thông tin về thuận lợi và khó khăn của sông ngòi ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ cho sẵn trong các ô dưới đây và điền vào chỗ trống (.....) trong bảng cho phù hợp.

Cung cấp nước cho sinh hoạt	Vào mùa mưa, nước sông dâng lên gây ngập, sạt lở bờ sông.	Vùng cửa sông ven biển có thể nuôi tôm, nghêu.
Nước sông được đưa vào đồng ruộng, phát triển ngành trồng trọt.	Sông, hồ, ao của vùng có thể nuôi cá nước ngọt.	Mùa cạn, tàu bè khó di chuyển, thiếu nước cho sản xuất.

Thuận lợi	Khó khăn
.....	
.....	
.....	
.....	
.....	
.....	

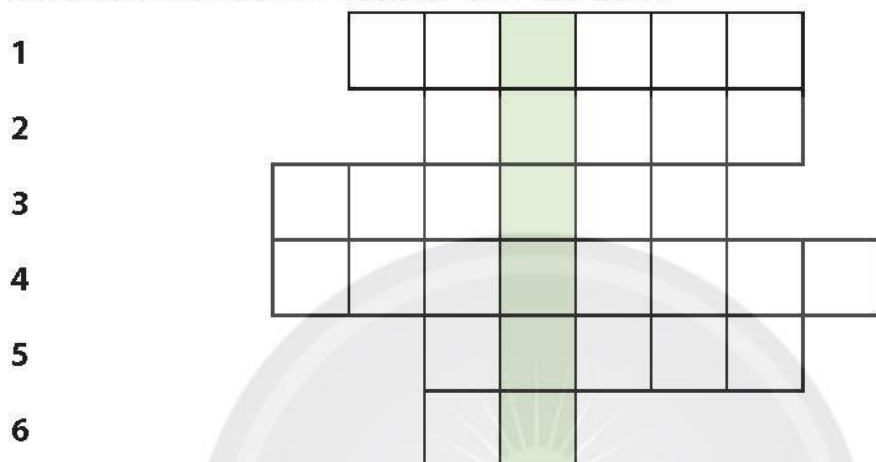
Câu 5. Em hãy giải ô chữ hàng ngang theo gợi ý để tìm ra ô chữ hàng dọc.

- Hàng ngang thứ nhất (6 chữ cái): Hiện tượng đất đai bị thoái hoá, suy giảm dinh dưỡng.
- Hàng ngang thứ hai (5 chữ cái): Quá trình chống lại mọi sự huỷ hoại, xâm phạm để giữ cho được nguyên vẹn.
- Hàng ngang thứ ba (6 chữ cái): Hiện tượng biến đổi môi trường sống do nhiều tác nhân như khói bụi, tiếng ồn,... khiến cho chất lượng sống suy giảm.

4. Hàng ngang thứ tư (8 chữ cái): Hiện tượng môi trường thiên nhiên ở tình trạng suy yếu và sút kém dần, có tính chất kéo dài.

5. Hàng ngang thứ năm (5 chữ cái): Hiện tượng đất ở ven sông, ven biển bị cuốn xuống nước, gây mất đất canh tác.

6. Hàng ngang thứ sáu (2 chữ cái): Chỗ đào sâu xuống đất, thường ở gần nhà, để giữ nước nuôi cá, thả bèo, trồng rau,...



* Ô chữ hàng dọc:

Câu 6. Em hãy hoàn thành bảng thông tin dưới đây.

Vùng	Trung du và miền núi Bắc Bộ	Đồng bằng Bắc Bộ
Địa hình	– Độ cao địa hình:	– Độ cao địa hình:
	– Các dạng địa hình:	– Các dạng địa hình:
Khí hậu	– Nhiệt độ:	– Nhiệt độ:
	– Thiên tai:	– Thiên tai:

Bài 9

DÂN CƯ VÀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ

Câu 1. Quan sát hình 3 trang 38 trong SGK và dựa vào kiến thức đã học, em hãy:

1. Đánh dấu ✓ vào ☐ trước thông tin đúng về đặc điểm dân cư của vùng Đồng bằng Bắc Bộ.

- ☐ Vùng có nhiều dân tộc sinh sống, đông nhất là người Kinh.
- ☐ Mật độ dân số trung bình của vùng lên đến hơn 21 triệu người.
- ☐ Hà Nội là thành phố có mật độ dân số cao nhất.
- ☐ Dân cư của vùng tập trung chủ yếu ở ven biển.

2. Hoàn thành bảng dưới đây về mật độ dân số của các tỉnh, thành phố ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ.

STT	Mật độ dân số	Tên các tỉnh, thành phố
1	Dưới 1 000 người/km ²	
2	Từ 1 000 – 2 000 người/km ²	
3	Trên 2 000 người/km ²	

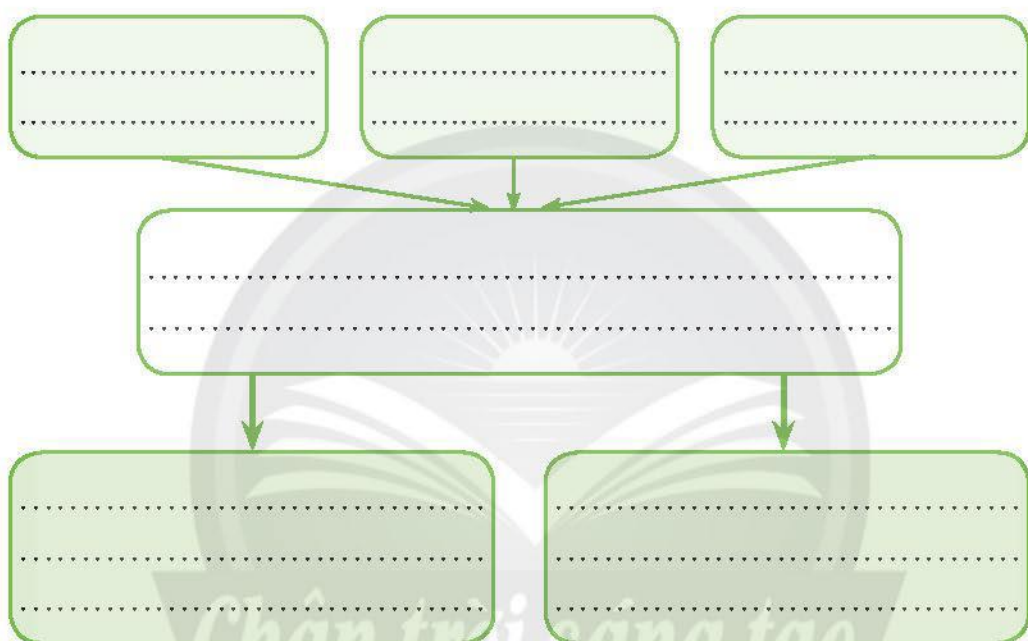
Câu 2. Em hãy khoanh tròn vào chữ cái ứng với ý đúng.

Vùng Đồng bằng Bắc Bộ có mật độ dân số cao do nguyên nhân chính nào?

- A. Đồng bằng rộng lớn, có nhiều thành phố lớn như Hà Nội, Hải Phòng.
- B. Đồng bằng có mạng lưới sông ngòi dày đặc, giáp biển nên thủy sản nhiều.
- C. Điều kiện tự nhiên thuận lợi, lịch sử khai thác lãnh thổ lâu đời.
- D. Nguồn tài nguyên thiên nhiên của vùng phong phú, có trữ lượng lớn.

Câu 3. Em hãy sử dụng các thông tin cho sẵn trong các ô dưới đây để hoàn thành sơ đồ về sản xuất lúa ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ.

Điều kiện tự nhiên thuận lợi	Kinh nghiệm lâu đời
Các tỉnh trồng lúa nhiều như Hà Nội, Nam Định, Thái Bình,...	Vùng sản xuất lúa lớn thứ hai
Năng suất lúa cao nhất nước	Kĩ thuật canh tác ngày càng hiện đại



Câu 4. Quan sát hình 1 và dựa vào kiến thức đã học, em hãy thực hiện các yêu cầu.



Hình 1. Biển ghi về việc vỡ đê năm 1945 (Hà Nội)

1. Hãy nêu những điều em biết về hệ thống đê ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ.

(This area contains faint horizontal dotted lines for writing.)

2. Lí giải tại sao cần phải bảo vệ đê ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ.



Câu 5. Em hãy đánh dấu ✓ vào ☐ trước thông tin *không* đúng về làng nghề ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ.

- ☐ Mỗi làng đều có một nghề thủ công đặc trưng.
- ☐ Để tạo ra sản phẩm, nghệ nhân cần trải qua nhiều công đoạn công phu, tỉ mỉ.
- ☐ Các sản phẩm thủ công của làng nghề đều rất tinh xảo, có giá trị kinh tế cao.
- ☐ Các làng nghề không cần bảo tồn và phát huy giá trị.

Câu 6. Em hãy điền tên các công đoạn sản xuất lúa ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ vào chỗ trống (.....) dưới các hình.



a)



b)



c)



d)



e)

Hình 2. Các công đoạn sản xuất lúa ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ

Câu 7. Sưu tầm 2 hình ảnh tiêu biểu về sản phẩm của một làng nghề mà em đã học và dán vào khung dưới đây.

Chân trời sáng tạo

Bài 10

MỘT SỐ NÉT VĂN HOÁ Ở LÀNG QUÊ VÙNG ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ

Câu 1. Dựa vào kiến thức đã học, em hãy trả lời các câu hỏi dưới đây:

1. Làng quê vùng Đồng bằng Bắc Bộ lưu giữ những giá trị gì của dân tộc Việt Nam?

2. Phong cảnh quen thuộc thường có ở làng quê vùng Đồng bằng Bắc Bộ là gì?

3. Đình làng có vai trò như thế nào đối với làng quê vùng Đồng bằng Bắc Bộ?

Câu 2. Em hãy nối thông tin ở cột A và cột C cho phù hợp với tên lễ hội ở cột B.

CỘT A	CỘT B	CỘT C
A. Tổ chức từ ngày 6 tháng Giêng đến hết tháng 3 âm lịch hằng năm	1. Lễ hội chùa Hương	E. Tổ chức tại núi Lim và đôi bờ sông Tiêu Tương, huyện Tiên Du, Bắc Ninh
B. Có các nghi thức rước, tế lễ các Thành hoàng, các vị anh hùng của quê hương,...		G. Tổ chức từ ngày 12 đến 14 tháng Giêng âm lịch hằng năm
C. Phần hội có hát chèo, hát văn,...	2. Hội Lim	H. Phần hội có hát Quan họ, đấu cờ, đánh đu,...
D. Diễn ra tại xã Hương Sơn, huyện Mỹ Đức, Hà Nội		I. Phần lễ gồm lễ dâng hương

Câu 3. Em hãy khoanh các từ hoặc cụm từ (theo hàng ngang, hàng dọc) thể hiện tên của những cảnh vật quen thuộc ở làng quê vùng Đồng bằng Bắc Bộ.

Đ	C	Ổ	N	G	L
l	Â	N	U	I	U
N	Y	G	C	Ế	Ỡ
H	Đ	I	C	N	T
T	A	M	U	G	R
C	H	Ù	A	O	E

Câu 4. Em hãy vẽ bức tranh phong cảnh làng quê vùng Đồng bằng Bắc Bộ theo tranh ảnh hoặc theo trí tưởng tượng của em.



Bài 11

SÔNG HỒNG VÀ VĂN MINH SÔNG HỒNG

Câu 1. Dựa vào kiến thức đã học, em hãy đánh dấu ✓ vào ☐ trước thông tin đúng về vị trí của sông Hồng.

- ☐ Sông Hồng có tổng chiều dài 1 216 km.
- ☐ Sông Hồng bắt nguồn từ tỉnh Vân Nam (Trung Quốc).
- ☐ Sông Hồng đổ ra Biển Đông.
- ☐ Phần sông Hồng chảy trên lãnh thổ Việt Nam dài 655 km.

Câu 2. Em hãy hoàn thành bảng thông tin dưới đây về thành tựu tiêu biểu của nền văn minh sông Hồng.

Thành tựu tiêu biểu	Nhà nước	Văn Lang	Thời gian hình thành: Kinh đô: Người đứng đầu:
		Âu Lạc	Thời gian hình thành: Kinh đô: Người đứng đầu:
	Trống đồng Đông Sơn	Công dụng	

Câu 3. Em hãy khoanh tròn vào chữ cái ứng với ý đúng.

Các tên gọi khác của sông Hồng là

- A. sông Cái, sông Thao, sông Mã.
- B. Hồng Hà, Bạch Hạc, Nhị Hà.
- C. sông Cái, sông Thao, Hoàng Hà.
- D. Hồng Hà, Hoàng Hà, Nhị Hà.

Câu 4. Em hãy hoàn thành bảng thông tin dưới đây về đời sống vật chất và tinh thần của người Việt cổ.

Đời sống người Việt cổ	Đời sống vật chất	Thức ăn chính	
		Trang phục	
		Nhà ở	
		Phương tiện đi lại	
	Đời sống tinh thần	Thờ cúng	
		Phong tục	
		Hoạt động trong lễ hội	

Câu 5. Em hãy chọn từ hoặc cụm từ thích hợp cho sẵn trong các ô dưới đây điền vào chỗ trống (.....) để hoàn thành đoạn thông tin.

gạo nếp	Lang Liêu	Đất
thứ sáu	xôi	

Truyền thuyết bánh chưng, bánh giầy

Sau khi dẹp xong giặc Ân, Vua Hùng.....đã cho gọi các hoàng tử đến và nói rằng sẽ truyền ngôi cho ai tìm được thức ăn ngon để bầy cúng tổ tiên.

Trong khi những người con khác mang đến sơn hào hải vị, hoàng tử đã làm bánh để dâng vua cha. Ông chọn làm bánh vuông để tượng trưng cho, gọi là bánh chưng. Sau đó, ông già làm bánh tròn, để tượng trưng cho Trời, gọi là bánh giầy. Vua cha nếm thử, thấy bánh ngon, khen có ý nghĩa và truyền ngôi lại cho Lang Liêu.

(Theo Nguyễn Đồng Chi, *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam*, Sdd)

Câu 6. Dựa vào đoạn thông tin dưới đây, em hãy thực hiện các yêu cầu.

Hiện nay, đoạn sông Hồng chảy qua thành phố Hà Nội đang bị ô nhiễm nghiêm trọng. Điều này do sự gia tăng của lượng rác thải sinh hoạt, nước thải từ các nhà máy ở ven sông làm cho màu nước ở nhiều khúc sông luôn trong tình trạng đen kịt.

1. Nguyên nhân chủ yếu của tình trạng ô nhiễm ở sông Hồng đoạn chảy qua thành phố Hà Nội là gì?

.....

.....

.....

.....

.....

2. Em hãy đề xuất từ một đến hai biện pháp để giải quyết tình trạng trên.

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 12

THĂNG LONG – HÀ NỘI

Câu 1. Quan sát hình 1 trang 49 trong SGK, em hãy:

1. Cho biết Hoàng thành Thăng Long nằm ở quận nào của Hà Nội ngày nay.

.....

.....

2. Kể tên các quận hoặc huyện tiếp giáp với quận đó.

.....

.....

.....

Câu 2. Em hãy gạch dưới từ hoặc cụm từ miêu tả về đặc điểm của vùng đất Thăng Long trong đoạn thông tin dưới đây:

Thành Đại La “ở giữa khu vực trời đất, được thế rồng cuộn hổ ngồi, chính giữa nam bắc đông tây, tiện nghi núi sông sau trước. Vùng này mặt đất rộng mà bằng phẳng, thế đất cao mà sáng sủa, dân cư không khổ thấp trũng tối tăm, muôn vật hết sức tươi tốt phồn thịnh. Xem khắp nước Việt đó là nơi thắng địa, thực là chỗ tụ hội quan yếu của bốn phương, đúng là nơi thượng đô kinh sư mãi muôn đời”.

(Đại Việt sử ký toàn thư, tập 1, NXB Khoa học Xã hội,
Hà Nội, 1998, trang 241)

Câu 3. Em hãy đánh dấu ✓ vào ☐ trước một số tên gọi khác của Hà Nội.

☐ Đại La.

☐ Thăng Long.

☐ Hoa Lư.

☐ Đông Đô.

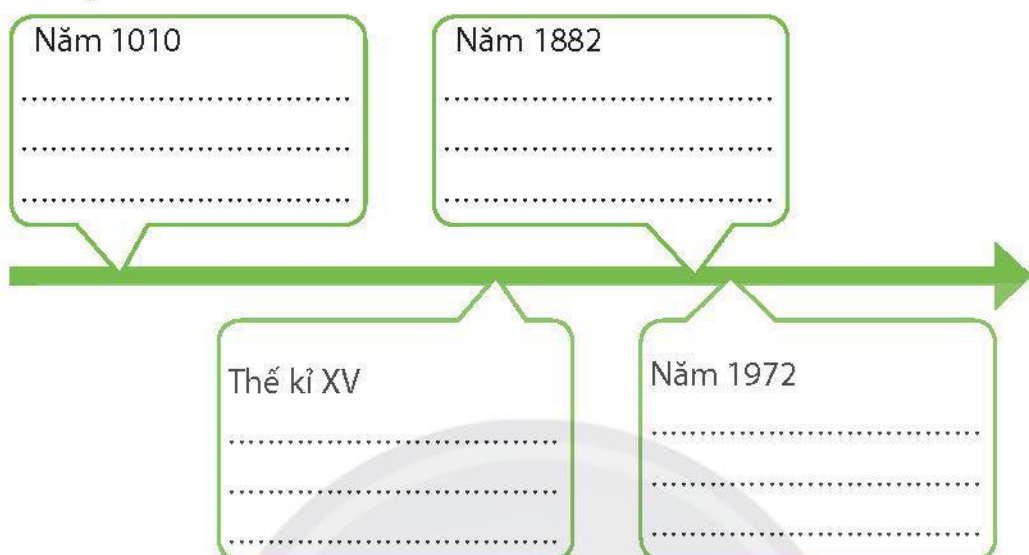
☐ Đông Quan.

☐ Đông Kinh.

☐ Gia Định Thành.

☐ Bắc Thành.

Câu 4. Em hãy hoàn thành sơ đồ tóm tắt dưới đây về lịch sử của Thăng Long – Hà Nội.



Câu 5. Em hãy viết một đoạn văn (khoảng 5 dòng) để chứng minh: Hà Nội là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá, giáo dục quan trọng của Việt Nam.

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 6. Em hãy hoàn thành bảng dưới đây về biện pháp giữ gìn và phát huy truyền thống văn hoá của Thăng Long – Hà Nội.

Biện pháp	Việc làm cụ thể
Giữ gìn truyền thống văn hoá của Thăng Long – Hà Nội	
Phát huy truyền thống văn hoá của Thăng Long – Hà Nội	

Câu 7. Em hãy điền tên các địa điểm ở Thủ đô Hà Nội vào chỗ trống (.....) dưới các hình cho phù hợp.



.....

.....

.....

Câu 8. Em hãy sưu tầm 6 hình ảnh và dán vào chỗ trống có nội dung phù hợp (nếu không có hình ảnh, em có thể vẽ hoặc mô tả ngắn gọn) với tên hình về những địa điểm liên quan đến lịch sử Thăng Long – Hà Nội.



a) Đền Bạch Mã (quận Hoàn Kiếm)

b) Đền Voi Phục (quận Ba Đình)



c) Đền Kim Liên (quận Đống Đa)

d) Cửa Bắc thành Hà Nội (quận Ba Đình)



e) Chùa Trấn Quốc (quận Tây Hồ)

g) Chùa Một Cột (quận Ba Đình)

Bài 13

VĂN MIẾU – QUỐC TỬ GIÁM

Câu 1. Em hãy nối các hình ảnh ở cột A với các thông tin ở cột B và cột C cho phù hợp.

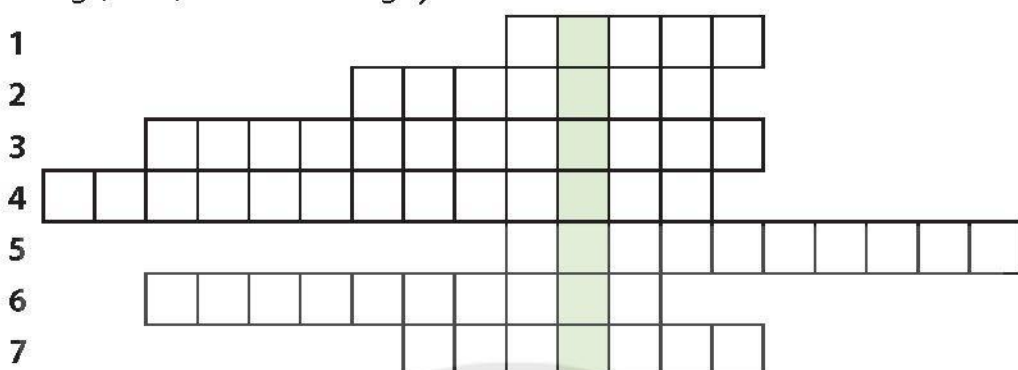
Cột A	Cột B	Cột C
	A. Nhà bia Tiến sĩ	a. Có 82 tấm bia. b. Các cửa sổ tròn tượng trưng cho bầu trời. c. Bốn mặt có các câu đối ca ngợi nền văn hoá dân tộc. d. Được xây dựng nhằm tôn vinh nhân tài và khuyến khích việc học toàn dân.
	B. Khuê Văn Các C. Khu Thái Học	

Câu 2. Em hãy giải ô chữ hàng ngang theo gợi ý để tìm ra ô chữ hàng dọc.

- Hàng ngang thứ nhất (5 chữ cái): Văn Miếu được xây dựng vào thời nào?
- Hàng ngang thứ hai (7 chữ cái): Đây là một công trình được xây dựng vào thời nhà Lý để thờ Khổng Tử và các học trò của ông.
- Hàng ngang thứ ba (12 chữ cái): Tên của một công trình trong Văn Miếu được lập nhằm tôn vinh nhân tài và khuyến khích việc học tập trong toàn dân.
- Hàng ngang thứ tư (13 chữ cái): Nội dung của tấm bia cổ nhất trong nhà bia Tiến sĩ được dựng năm 1484 do ai soạn?
- Hàng ngang thứ năm (10 chữ cái): Tên của một công trình được xây dựng vào năm 1805, có 8 mái, 2 tầng và một nóc ở trên.

6. Hàng ngang thứ sáu (10 chữ cái): Đây là một công trình trong Quốc Tử Giám nằm giữa lầu chuông và lầu trống?

7. Hàng ngang thứ bảy (7 chữ cái): Em hãy điền từ còn thiếu vào chỗ trống (.....): “Hiền tài là nguyên khí”



Hàng dọc (7 chữ cái): Đây là một truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam.

* Ô chữ hàng dọc:

Em có suy nghĩ gì về truyền thống này của dân tộc ta?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 3. Từ lâu, vào mỗi mùa thi cử, nhiều học sinh, sinh viên đã đến khu di tích Văn Miếu – Quốc Tử Giám để chạm tay vào bia Tiến sĩ, sờ đầu rùa để cầu mong thi đỗ, làm cho các công trình này bị ảnh hưởng.

Để giữ gìn các công trình trong khu di tích này, những quy định ứng xử nên được đề ra cho khách du lịch vào tham quan nơi đây. Em hãy lập một bảng quy định khi tham quan khu di tích Văn Miếu – Quốc Tử Giám.

BẢNG QUY ĐỊNH	
Điều 1	
Điều 2	
.....	
.....	

Chủ đề 4: DUYÊN HẢI MIỀN TRUNG

Bài 14

THIÊN NHIÊN VÙNG DUYÊN HẢI MIỀN TRUNG

Câu 1. Quan sát hình 2 trang 57 trong SGK, em hãy đánh dấu ✓ vào ☐ trước tên các quốc gia, vùng tiếp giáp với vùng Duyên hải miền Trung.

☐ Trung Quốc.

☐ Đồng bằng Bắc Bộ.

☐ Lào.

☐ Tây Nguyên.

☐ Cam-pu-chia.

☐ Tây Nam Bộ.

Câu 2. Hai quần đảo xa bờ thuộc vùng Duyên hải miền Trung là:

.....

.....

.....

.....

Câu 3. Quan sát hình 2 trang 57 trong SGK, em hãy viết tên các dãy núi của vùng Duyên hải miền Trung.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 4. Quan sát hình 2 trang 57 trong SGK, em hãy nối thông tin ở cột A với thông tin ở cột B cho phù hợp.

Cột A
1. Đảo, quần đảo
2. Dãy núi
3. Đồng bằng
4. Đèo

Cột B
A. Hải Vân
B. Lý Sơn
C. Hoành Sơn
D. Bạch Mã
E. Cồn Cỏ
G. Trường Sơn
H. Thanh – Nghệ – Tĩnh
I. Nam – Ngãi
K. Phú Quý

Câu 5. Em hãy tô màu đỏ vào phần thể hiện ý đúng và tô màu vàng vào phần thể hiện ý sai về đặc điểm khí hậu của vùng Duyên hải miền Trung trong vòng tròn dưới đây.



Câu 6. Em hãy khoanh tròn vào chữ cái ứng với ý đúng.

Tên của khu dự trữ sinh quyển thế giới ở vùng Duyên hải miền Trung là

- A. Núi Chúa. B. Bạch Mã.
C. Cù Lao Chàm – Hôi An. D. Bến En.

Câu 7. Quan sát hình 2 trang 57 trong SGK, em hãy ghi tên 5 dòng sông của vùng Duyên hải miền Trung theo thứ tự từ Bắc vào Nam.

1.
2.
3.
4.
5.

Câu 8. Quan sát hình 2 trang 57 trong SGK, em hãy đánh dấu ✓ vào ☐ trước tên của các khu dự trữ sinh quyển, vườn quốc gia nằm ở phía nam đèo Hải Vân.

- ☐ Núi Chúa. ☐ Cù Lao Chàm – Hội An.

☐ Bến En. ☐ Bạch Mã.

☐ Phong Nha – Kẻ Bàng.

Câu 9. Đọc đoạn thông tin dưới đây và trả lời câu hỏi.

Thành phố Đà Nẵng có khí hậu nhiệt đới gió mùa, mùa mưa và mùa khô phân biệt rõ rệt. Mùa mưa thường đến muộn hơn các tỉnh phía bắc vùng Duyên hải miền Trung. Mùa khô thường kéo dài hơn 6 tháng, gây nên tình trạng hạn hán nghiêm trọng, mực nước các dòng sông xuống thấp, nước mặn xâm nhập sâu vào các dòng sông. Thời gian mùa mưa ngắn hơn, thường có bão, lũ lụt.

- ### 1. Khí hậu ở thành phố Đà Nẵng có bao nhiêu mùa?

.....

- 2. Mùa mưa ở thành phố Đà Nẵng kéo dài bao nhiêu tháng?**

.....

3. Mùa khô ở thành phố Đà Nẵng thường đến muộn hơn những tỉnh nào của vùng Duyên hải miền Trung?

.....

.....

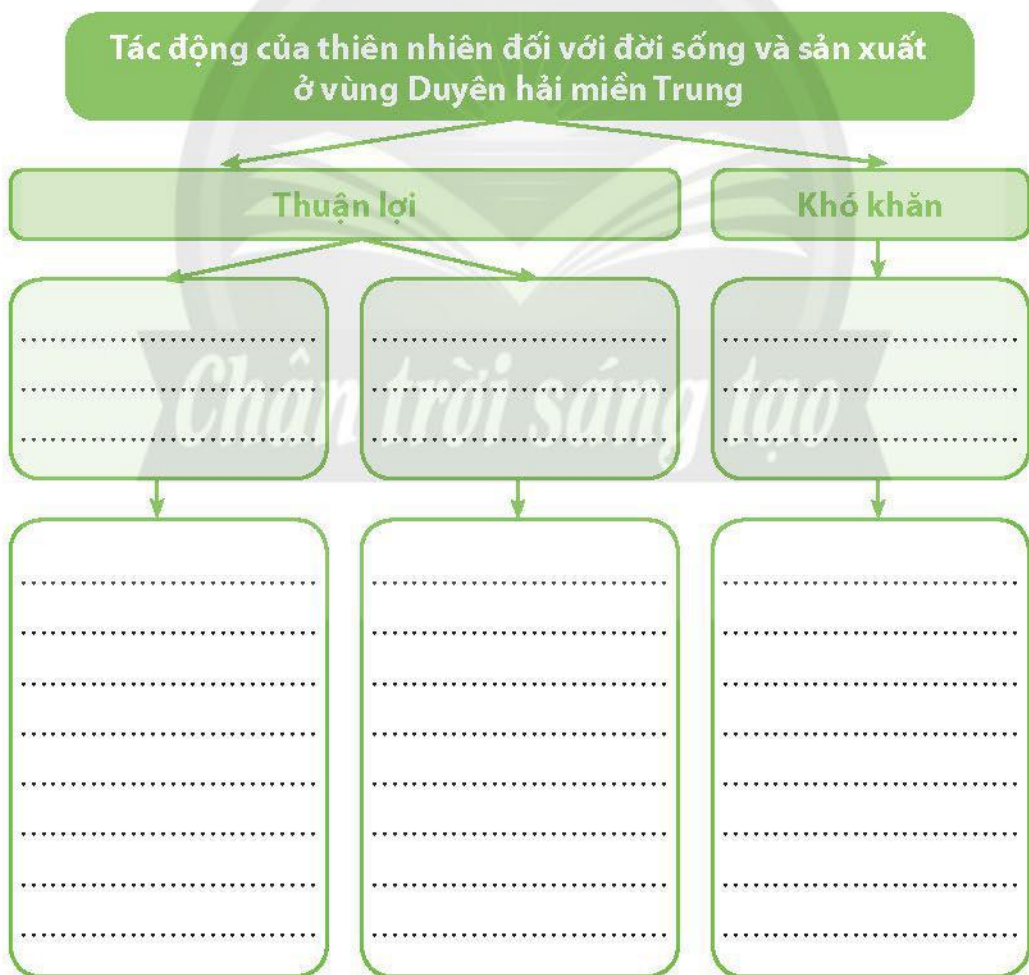
4. Vào mùa mưa và mùa khô, thành phố Đà Nẵng thường có những hiện tượng bất lợi gì?

.....

.....

.....

Câu 10. Em hãy hoàn thành sơ đồ thể hiện những thuận lợi và khó khăn do tác động của thiên nhiên đối với đời sống và sản xuất ở vùng Duyên hải miền Trung.



Bài 15

DÂN CƯ VÀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT Ở VÙNG DUYÊN HẢI MIỀN TRUNG

Câu 1. Em hãy điền tên các vật dụng chủ yếu trong đời sống người dân ở vùng Duyên hải miền Trung vào chỗ trống (.....) dưới các hình cho phù hợp.



Câu 2. Em hãy chọn từ hoặc cụm từ thích hợp cho sẵn trong các ô dưới đây điền vào chỗ trống (.....) để hoàn thành đoạn thông tin.

Chăm	thưa	nhiều
đồng bằng và ven biển	đồi và núi cao	ít

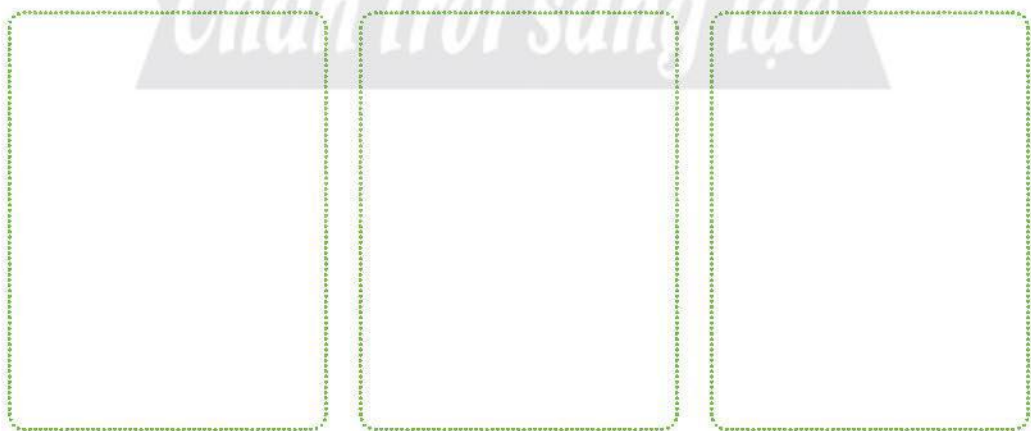
Vùng Duyên hải miền Trung khá đông dân, phần lớn tập trung sinh sống ở khu vực Ở khu vực miền núi, dân cư ít và hơn. Vùng có dân tộc cùng sinh sống. Một số dân tộc trong vùng là: Kinh, Thái, Raglai, Các dân tộc ở đây có văn hoá đặc sắc.

Câu 3. Em hãy sưu tầm 5 hình ảnh và dán vào chỗ trống có nội dung phù hợp với tên hình về hoạt động sản xuất ở vùng Duyên hải miền Trung.



a) Đánh bắt hải sản

b) Nuôi trồng hải sản



c) Làm muối

d) Du lịch biển

e) Giao thông vận tải biển

Câu 4. Em hãy đánh dấu ✓ vào ☐ trước thông tin đúng về điều kiện thuận lợi để phát triển hoạt động kinh tế biển ở vùng Duyên hải miền Trung.

- | | |
|--|---|
| ☐ Nước biển mặn. | ☐ Nhiều hải sản nổi tiếng. |
| ☐ Nhiều bãi biển đẹp. | ☐ Nước biển bẩn. |
| ☐ Đường bờ biển ngắn. | ☐ Không có vịnh biển. |

Câu 5. Em hãy khoanh các từ hoặc cụm từ (theo hàng ngang và hàng dọc) để cập đến những địa danh sản xuất muối biển nổi tiếng ở vùng Duyên hải miền Trung.

B	I	H	C	Á
D	N	Ồ	O	C
C	À	N	Á	N
Ê	A	K	I	M
K	C	H	O	Ề
Ô	H	Ó	À	T
N	K	I	N	Ô
Q	C	E	G	I

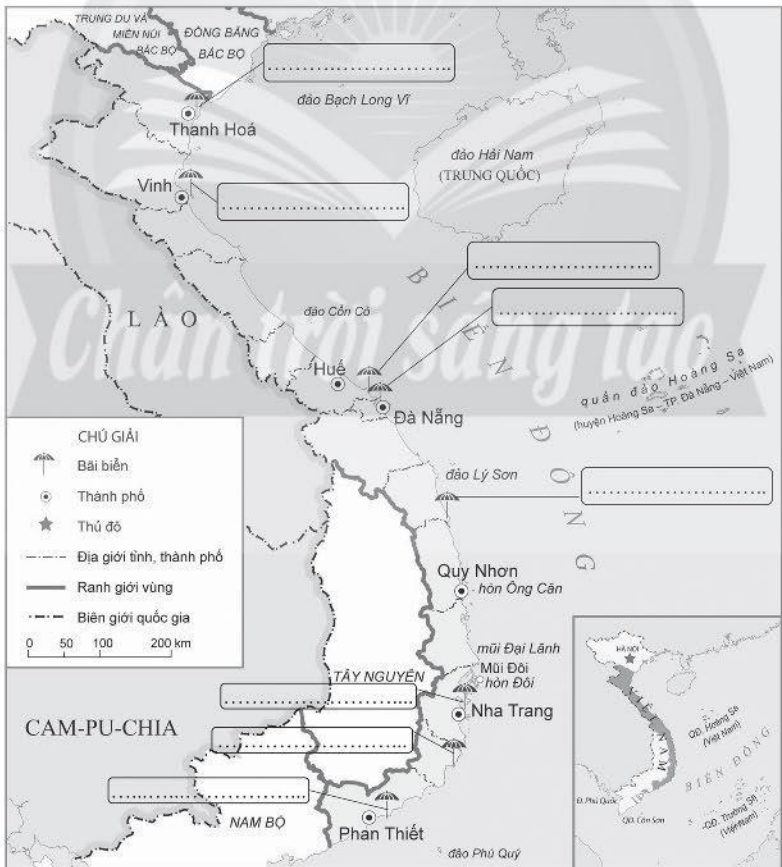
Câu 6. Em hãy đánh dấu ✓ vào ☐ trước thông tin *không* đúng về đặc điểm hoạt động đánh bắt và nuôi trồng hải sản ở vùng Duyên hải miền Trung.

- ☐ Sản lượng thủy sản ít hơn vùng Đồng bằng Bắc Bộ.
- ☐ Vùng đánh bắt hải sản không quan trọng ở nước ta.
- ☐ Góp phần bảo vệ chủ quyền biển – đảo nước ta.
- ☐ Vùng nuôi tôm hùm nhiều nhất cả nước.
- ☐ Sản lượng thủy sản lớn thứ hai cả nước.

Câu 7. Quan sát hình 12 trang 64 trong SGK, em hãy nối tên các địa danh (ở cột B) với các thông tin tương ứng (ở cột A và C) cho phù hợp.

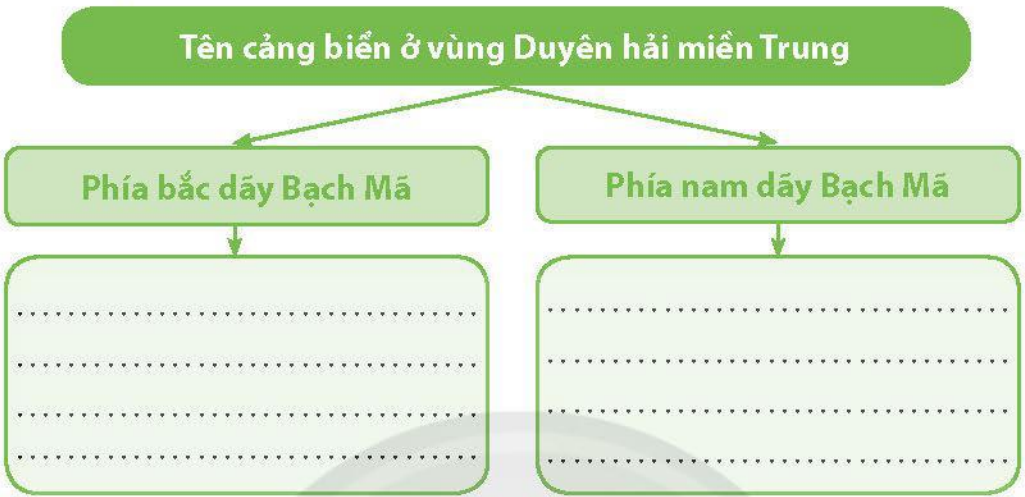
Cột A	Cột B	Cột C
Tên bãi biển	A. Mũi Né	Tên cảng biển
	B. Cam Ranh	
	C. Sầm Sơn	
	D. Tiên Sa	
	E. Ninh Chữ	
	G. Nghi Sơn	
	H. Mỹ Khê	
	I. Cảnh Dương	
	K. Quy Nhơn	
	L. Sơn Dương	

Câu 8. Em hãy viết tên các bãi biển ở vùng Duyên hải miền Trung vào chỗ trống (.....) trong lược đồ dưới đây.



Hình 1. Lược đồ một số bãi biển ở vùng Duyên hải miền Trung

Câu 9. Quan sát hình 12 trang 64 trong SGK, em hãy hoàn thành sơ đồ dưới đây.



Câu 10. Dựa vào bảng số liệu trang 65 trong SGK, em hãy trả lời các câu hỏi.

1. Những vùng nào có sản lượng khai thác cá biển lớn hơn và những vùng nào có sản lượng cá biển nhỏ hơn vùng Duyên hải miền Trung?

.....

.....

.....

2. Sản lượng cá biển khai thác của vùng Duyên hải miền Trung ít hơn vùng Nam Bộ bao nhiêu tấn?

.....

.....

3. Sản lượng cá biển khai thác của vùng Duyên hải miền Trung nhiều hơn vùng Đồng bằng Bắc Bộ, Trung du và miền núi Bắc Bộ bao nhiêu tấn?

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 16

MỘT SỐ NÉT VĂN HOÁ Ở VÙNG DUYÊN HẢI MIỀN TRUNG

Câu 1. Quan sát các hình dưới đây và thực hiện các yêu cầu.



a. Chùa Cầu
(Quảng Nam)



b. Chùa Thiên Mụ
(Huế)



c. Ngũ Hành Sơn
(Đà Nẵng)

Hình 1. Một số hình vẽ trên tem bưu chính ở nước ta

1. Em hãy cho biết điểm chung của các địa danh.

2. Giải thích tại sao các địa danh này được giới thiệu trên tem bưu chính.

Câu 2. Em hãy khoanh tròn vào tên các món ăn tiêu biểu của vùng Duyên hải miền Trung trong bảng dưới đây:

bún bò Huế	bún chả Hà Nội	mì Quảng	phở Nam Định	bánh cuốn Cao Bằng
kẹo cu đơ Hà Tĩnh	bánh khọt Vũng Tàu	bánh tét Cần Thơ	cao lầu Hội An	nem nướng Nha Trang
bánh pía Sóc Trăng	hủ tiếu Sa Đéc	nem chua Thanh Hoá	bánh đa cua Hải Phòng	tré rơm Bình Định

Câu 3. Em hãy đánh dấu ✓ vào ☐ trước thông tin đúng và dấu X vào ☐ trước thông tin sai. Với những thông tin sai, hãy viết lại cho đúng.

- ☐ Lễ hội Lam Kinh được tổ chức hằng năm vào ngày 22 tháng 8 âm lịch (ngày sinh của vua Lê Thái Tổ).

.....
.....

- ☐ Phần lễ trong lễ hội Lam Kinh được thực hiện theo nghi thức cổ truyền như: màn trống hội, cờ hội, rước kiệu.

.....
.....

- ☐ Lễ hội Lam Kinh thể hiện lòng tôn kính đối với tổ tiên đồng thời góp phần bảo tồn những nét văn hoá truyền thống của dân tộc.

.....
.....

- ☐ Lễ hội Cầu Ngư thường được tổ chức từ 12 tháng 6 đến tháng 12 âm lịch hằng năm, tùy thuộc mỗi địa phương.

.....
.....

- ☐ Phần lễ trong lễ hội Cầu Ngư có nghi thức quan trọng nhất là cúng thần Mặt Trời, tương truyền đã giúp đỡ ngư dân lúc gặp nạn.

.....
.....

- ☐ Lễ hội Ka-tê của người Chăm được tổ chức vào tháng 7 dương lịch hằng năm.

.....
.....

Bài 17

CỐ ĐÔ HUẾ

Câu 1. Em hãy khoanh tròn vào chữ cái ứng với ý đúng.

1. Cố đô Huế là kinh đô của

A. nhà Lý.

B. nhà Trần.

C. nhà Lê.

D. nhà Nguyễn.

2. Cố đô Huế ngày nay thuộc địa phận thành phố Huế và một vài vùng phụ cận thuộc tỉnh

A. Thừa Thiên Huế.

B. Quảng Trị.

C. Đà Nẵng.

D. Quảng Bình.

3. Năm 1993, Cố đô Huế được UNESCO ghi danh là

A. Di tích quốc gia đặc biệt.

B. Di sản văn hoá Việt Nam.

C. Di sản văn hoá thế giới.

D. Di vật, cổ vật quốc gia.

Câu 2. Quan sát các hình và lược đồ dưới đây, em hãy:

1. Kể tên các công trình tiêu biểu trong Quần thể Di tích Cố đô Huế.

.....

.....

.....

.....

2. Xác định tên các địa danh tương ứng với các hình A, B, C, D.

Hình A

Hình B

Hình C

Hình D



Hình A



Hình B



Hình C



Hình D

a) Một số địa danh



b) Lược đồ

Hình 1. Quần thể Di tích Cố đô Huế

Câu 3. Em hãy chọn từ hoặc cụm từ thích hợp cho sẵn trong các ô dưới đây điền vào chỗ trống (.....) để hoàn thành đoạn thông tin.

vua Bảo Đại	Tôn Thất Thuyết	“Dụ Cần vương”	Chính phủ lâm thời
phong kiến	dân tộc Việt Nam	vua Hàm Nghi	phong trào Cần vương

Cuộc phản công quân Pháp tại kinh thành Huế

Đêm mồng 4 rạng sáng 5 – 7 – 1885,.....tổ chức phản công quân Pháp tại kinh thành Huế. Quân Pháp ban đầu bị bất ngờ nhưng sau đó với sức mạnh từ vũ khí và lực lượng, cuộc phản công của Tôn Thất Thuyết bị thất bại, ông phải đưa.....ra Tân Sở (Quảng Trị). Tại đây, ông nhân danh.....ra.....– kêu gọi người dân đứng lên giúp vua, cứu nước. Đây là sự kiện mở đầu cho....., thể hiện rõ ý chí, tinh thần yêu nước, chiến đấu đến cùng vì độc lập, tự do của.....

Vua Bảo Đại thoái vị

Ngày 30 – 8 – 1945, tại Ngọ Môn (Huế), trước sự chứng kiến của hàng ngàn người dân,.....đã đọc chiếu thoái vị và trao lại ấn, kiếm cho đại diện.....Sự kiện đó đã đánh dấu mốc kết thúc của chế độ.....ở Việt Nam.

Câu 4. Đọc đoạn thông tin dưới đây và thực hiện các yêu cầu.

Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế đã đưa chương trình *Nói không với túi ni lông* vào Quần thể Di tích Cố đô Huế. Từ ngày 20 – 5 – 2019, các cơ sở kinh doanh ở các điểm tham quan không sử dụng túi ni lông để gói hàng, đựng hàng cho du khách. Khi du khách nào có cầm theo túi ni lông sẽ được thay thế bằng các túi giấy với thông điệp “Khu di sản Huế: Nói không với túi ni lông” tại các cửa tham quan.

1. Em hãy cho biết Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế đã phát động chương trình gì.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Theo em, chương trình này có tác dụng gì đối với việc giữ gìn và phát huy giá trị của Cố đô Huế?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 18

PHỐ CỔ HỘI AN

Câu 1. Dựa vào kiến thức đã học, em hãy điền các từ hoặc cụm từ thích hợp vào chỗ trống (.....) để hoàn thành đoạn thông tin dưới đây.

Phố cổ Hội An thuộc thành phố, tỉnh
Phần lớn phố cổ nằm ở phường, bên bờ sông
..... – một nhánh của sông

Câu 2. Em hãy phân loại một số công trình tiêu biểu ở phố cổ Hội An cho sẵn trong các ô dưới đây theo các nhóm: Hội quán người Hoa, Nhà cổ, Chùa chiền.

Hội quán Quảng Đông	Nhà cổ Tấn Ký	Chùa Cầu	Nhà cổ Quân Thắng	Đình Thanh Hà
Chùa Viên Giác	Hội quán Dương Thương	Chùa Ông	Miếu Quan Công	Nhà cổ Thái Phiên
Hội quán Triều Châu	Đình An Mỹ	Nhà cổ Phùng Hưng	Chùa Pháp Bảo	Hội quán Phúc Kiến
Giếng cổ Bá Lễ	Nhà cổ Đức An	Hội quán Hải Nam	Chùa Hải Tạng	Lăng Ông Ngự

1. Hội quán người Hoa:

.....

.....

.....

2. Nhà cổ:

.....

.....

.....

3. Chùa chiền:

.....

.....

.....

Câu 3. Giả sử em đã đến tham quan phố cổ Hội An, hãy chọn và xây dựng hồ sơ về một công trình của phố cổ Hội An.

ĐIỂM ĐẾN DU LỊCH PHỐ CỔ HỘI AN

Hình của công trình



Tên công trình:

Mô tả công trình:

.....

.....

.....

.....

Biện pháp để giữ gìn và phát huy giá trị của công trình tham quan:

.....

.....

.....

.....

Chủ đề 5: TÂY NGUYÊN

Bài 19

THIÊN NHIÊN VÙNG TÂY NGUYÊN

Câu 1. Em hãy tô màu vùng Tây Nguyên trong lược đồ dưới đây.



Hình 1. Lược đồ các vùng ở Việt Nam

Câu 2. Quan sát hình 3 trong SGK trang 79 và đọc thông tin trong bài, em hãy trả lời các câu hỏi dưới đây.

1. Vùng Tây Nguyên giáp với những quốc gia nào?

.....
.....

2. Vùng Tây Nguyên có đường biên giới ở phía nào?

.....
.....

3. Ở phía đông, vùng Tây Nguyên giáp với vùng nào của nước ta?

.....
.....

4. Cao nguyên nào của vùng Tây Nguyên có đường biên giới chung với Lào và Cam-pu-chia?

.....
.....

5. Cao nguyên nào của vùng Tây Nguyên tiếp giáp Cam-pu-chia và vùng Nam Bộ?

.....
.....

Câu 3. Em hãy đánh dấu ✓ vào ☐ trước thông tin đúng về vùng Tây Nguyên.

- ☐ Vùng Tây Nguyên giáp biển ở phía tây.
- ☐ Vùng Tây Nguyên giáp biển ở phía đông.
- ☐ Vùng Tây Nguyên không giáp biển.
- ☐ Vùng Tây Nguyên có đường biên giới với Cam-pu-chia ở phía nam.
- ☐ Chư Yan Sin là đỉnh núi cao nhất vùng Tây Nguyên.
- ☐ Cao nguyên Lâm Viên là nơi bắt nguồn của sông Sê San.
- ☐ Sông Ba chảy qua vùng Tây Nguyên và đổ ra Biển Đông.

Câu 4. Dựa vào kiến thức đã học, em hãy đánh dấu ✓ vào ☐ trước thông tin đúng về đặc điểm khí hậu của vùng Tây Nguyên.

☐ Một năm có 3 mùa.

☐ Không có mùa khô.

☐ Lượng mưa lớn.

☐ Khí hậu có mùa mưa.

☐ Có hiện tượng khô hạn.

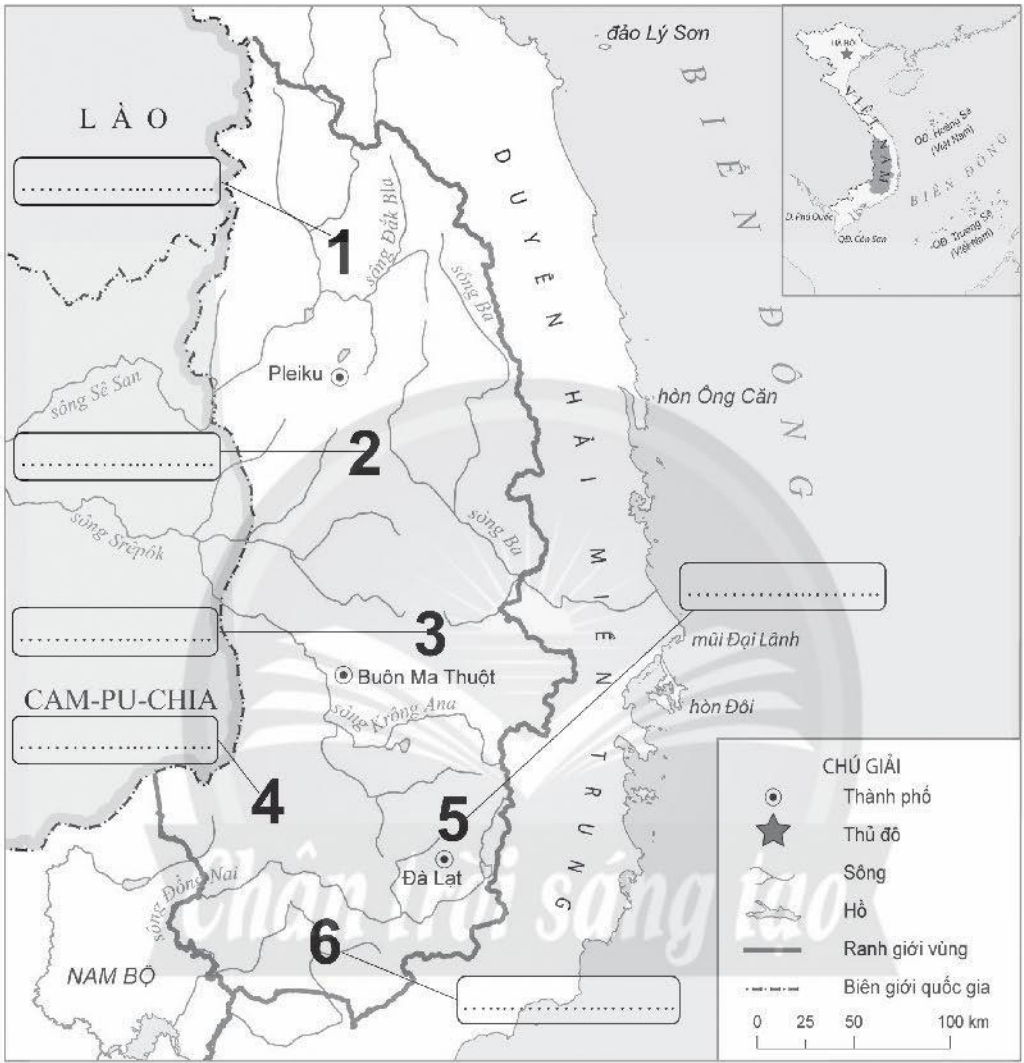
Câu 5. Em hãy viết tên các cao nguyên ở vùng Tây Nguyên theo độ cao trung bình vào chỗ trống (.....) trong bảng dưới đây.

Độ cao trung bình	Tên cao nguyên ở vùng Tây Nguyên	
1 500 m		
1 000 m		
800 m		
500 m		

Câu 6. Dựa vào bảng 2 trang 80 trong SGK, em hãy điền từ hoặc cụm từ thích hợp vào chỗ trống (.....) để hoàn thành đoạn thông tin dưới đây về khí hậu ở thành phố Pleiku.

Trong năm, thành phố Pleiku có tháng nhiệt độ trung bình dưới 20°C. Mùa mưa kéo dài tháng. Nhiệt độ cao nhất vào tháng Chênh lệch nhiệt độ trung bình giữa tháng cao nhất và tháng thấp nhất là °C. Mùa mưa kéo dài từ tháng đến tháng Lượng mưa cao nhất vào tháng Chênh lệch lượng mưa trung bình giữa tháng cao nhất và tháng thấp nhất là lần.

Câu 7. Em hãy viết tên các cao nguyên ở vùng Tây Nguyên vào chỗ trống (.....) trong lược đồ dưới đây.



Hình 2. Lược đồ vùng Tây Nguyên

Câu 8. Em hãy đánh dấu ✓ vào ☐ trước loại đất chính ở vùng Tây Nguyên.

- ☐ Đất đỏ badan.
 ☐ Đất xám.
- ☐ Đất vàng badan.
 ☐ Đất đen.

Câu 9. Em hãy nối đặc điểm của rừng (ở cột A) với loại rừng (ở cột B) cho phù hợp.

Cột A
1. Rụng lá vào mùa khô
2. Xanh quanh năm

Cột B
A. Rừng khộp
B. Rừng rậm nhiệt đới

Câu 10. Em hãy sử dụng những từ hoặc cụm từ cho sẵn trong các ô dưới đây để hoàn thành sơ đồ về vai trò của rừng ở Tây Nguyên.

Điều hoà nguồn nước	Chống động đất	Nơi cư trú của động vật,...
Cung cấp khoáng sản	Hạn chế gió bão	Cung cấp gỗ, dược liệu



Bài 20

DÂN CƯ VÀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT Ở VÙNG TÂY NGUYÊN

Câu 1. Em hãy đánh dấu ✓ vào ☐ trước thông tin đúng về đặc điểm dân cư ở vùng Tây Nguyên.

- ☐ Có nhiều dân tộc sinh sống.
- ☐ Nơi sinh sống của người Gia Rai.
- ☐ Dân số ít nhất trong 5 vùng ở nước ta.
- ☐ Mật độ dân số cao.
- ☐ Phần lớn dân cư sống ở đồng bằng.
- ☐ Là vùng thưa dân.

Câu 2. Em hãy chọn từ hoặc cụm từ thích hợp cho sẵn trong các ô dưới đây điền vào chỗ trống (.....) để hoàn thành đoạn thông tin.

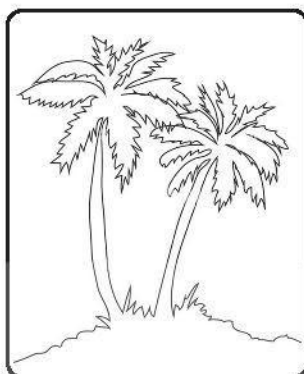
công nghiệp	lương thực	diện tích
nông sản	thủy sản	cao su
thể tích	thảo quả	hồi

Tây Nguyên là vùng có thể mạnh phát triển cây có giá trị cao như: cà phê, hồ tiêu, Hiện nay, các loại cây trồng này vẫn là cây chủ lực, tạo mặt hàng xuất khẩu quan trọng cho vùng Tây Nguyên nói riêng và cả nước nói chung. Đắk Lắk là địa phương có cây công nghiệp dài ngày lớn nhất vùng Tây Nguyên, nhất là cây cà phê.

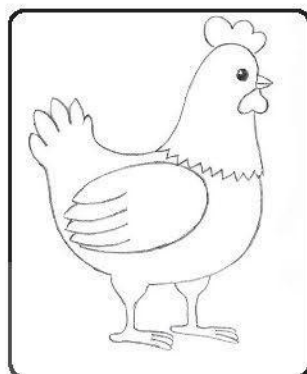
Câu 3. Em hãy tô màu những hình ảnh về cây công nghiệp và vật nuôi chủ yếu ở vùng Tây Nguyên.



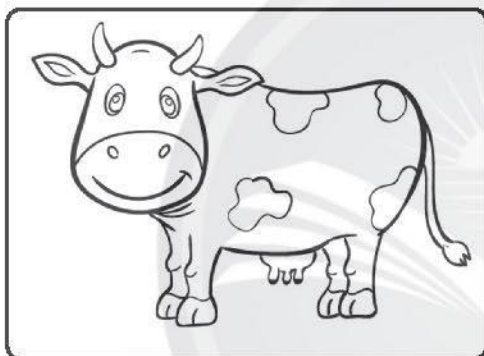
a) Cạo mủ cây cao su



b) Cây dừa



c) Gia cầm



d) Bò sữa



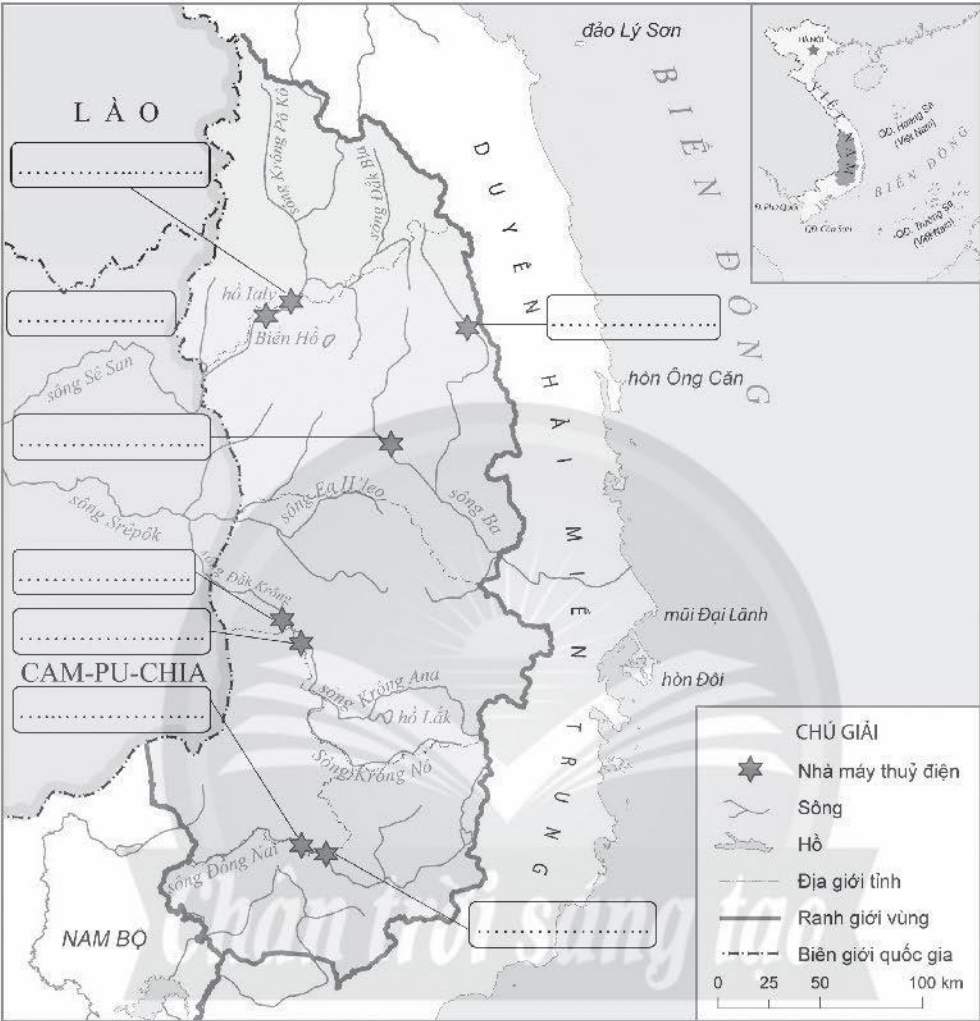
e) Cành cây cà phê

Câu 4. Quan sát hình 3 trang 83 trong SGK, em hãy nối tên nhà máy thủy điện của vùng Tây Nguyên (ở cột A) với tên sông (ở cột B) cho phù hợp.

Cột A
1. Ayun Hạ
2. Sê San 3
3. Buôn Kuốp
4. Đồng Nai 3

Cột B
A. Sê San
B. Sông Ba
C. Đắk Krông
D. Đồng Nai

Câu 5. Em hãy viết tên các nhà máy thủy điện ở vùng Tây Nguyên vào chỗ trống (.....) trong lược đồ dưới đây.



Hình 1. Lược đồ các nhà máy thủy điện ở vùng Tây Nguyên

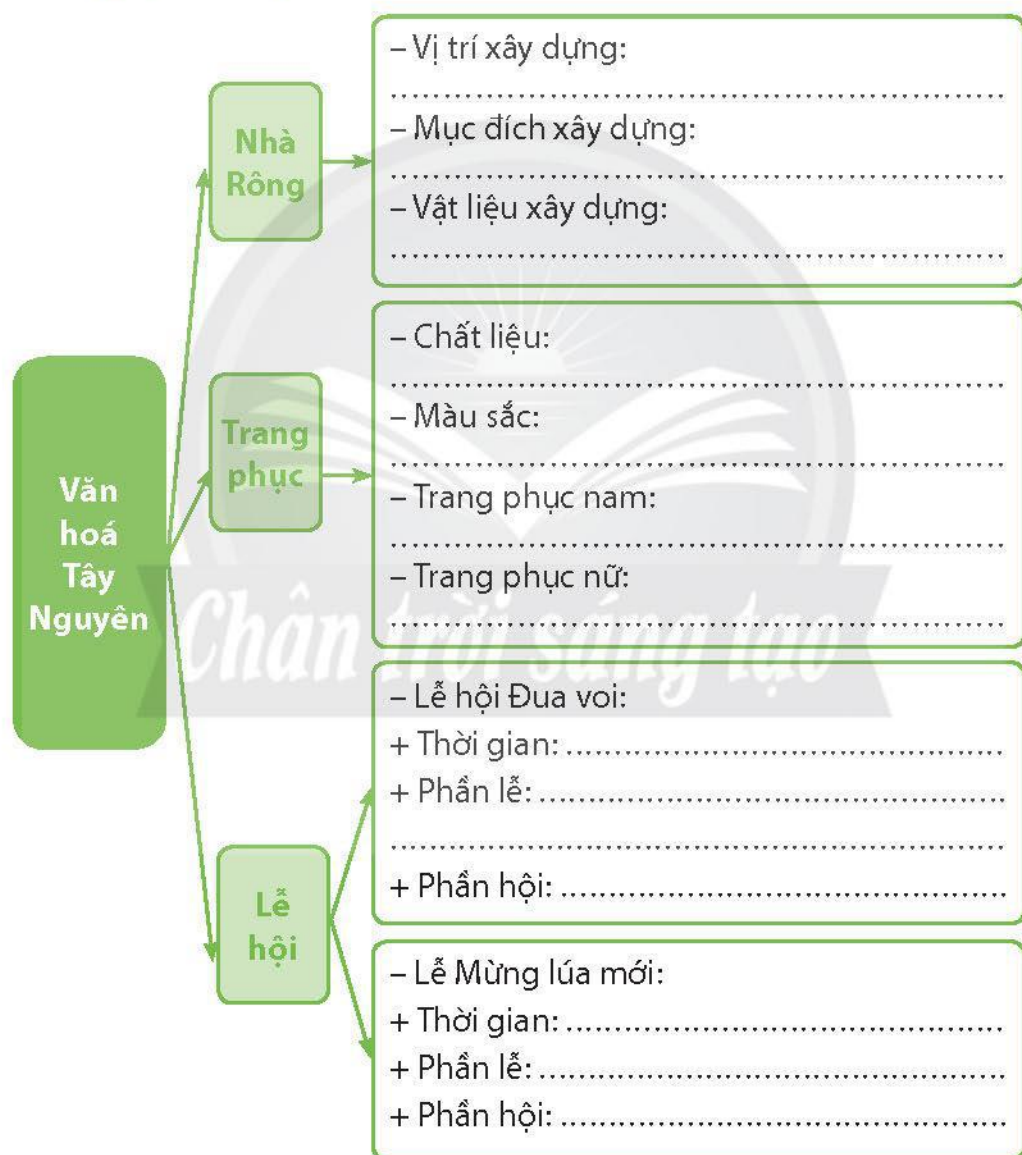
Câu 6. Em hãy khoanh các từ hoặc cụm từ (theo hàng ngang và hàng dọc) thể hiện tên của một số dân tộc ở vùng Tây Nguyên.

B	K	B	B	D	G	Ê
G	I	A	R	A	I	U
I	N	N	D	I	N	Ô
K	H	A	Ê	Đ	Ê	N
A	Ê	Ô	C	M	N	A

Bài 21

MỘT SỐ NÉT VĂN HOÁ VÀ LỊCH SỬ CỦA ĐỒNG BÀO TÂY NGUYÊN

Câu 1. Em hãy điền các từ hoặc cụm từ thích hợp để hoàn thành sơ đồ theo gợi ý dưới đây:



Câu 2. Em hãy xây dựng hồ sơ nhân vật tiêu biểu ở vùng Tây Nguyên tham gia chiến đấu bảo vệ đất nước Việt Nam theo gợi ý sau:

Hình ảnh nhân vật Ảnh hùng N' Trang Lơng	THÔNG TIN CÁ NHÂN – Tên: – Quê quán: – Tiểu sử:
--	---

Hình ảnh nhân vật Ảnh hùng Núp	THÔNG TIN CÁ NHÂN – Tên: – Quê quán: – Tiểu sử:
--	---

Bài 22

LỄ HỘI CỒNG CHIÊNG TÂY NGUYÊN

Câu 1. Em hãy đánh dấu ✓ vào ☐ trước tên các dân tộc là chủ nhân của Không gian văn hoá Cồng chiêng Tây Nguyên.

☐ Ê Đê☐ Gia Rai☐ Ba Na☐ Thái☐ Khơ-me☐ Nùng☐ Tày☐ Hoa☐ Mạ

Câu 2. Em hãy chọn từ hoặc cụm từ thích hợp cho sẵn trong các ô dưới đây điền vào chỗ trống (.....) để hoàn thành đoạn thông tin.

bản sắc văn hoá	kết nối cộng đồng	lễ Thổi tai cho trẻ sơ sinh
lễ Cưới xin	không thể thiếu	lễ Mừng lúa mới

Cồng chiêng là một phần trong đời sống tinh thần của người dân Tây Nguyên. Cồng chiêng thường được sử dụng trong các buổi lễ quan trọng như:,, Cồng chiêng là phương tiện để và thể hiện của các dân tộc Tây Nguyên.

Câu 3. Em hãy đánh dấu ✓ vào ☐ trước thông tin đúng và dấu X vào ☐ trước thông tin sai. Với những thông tin sai, hãy viết lại cho đúng.

☐ Lễ hội Cồng chiêng được tổ chức 2 năm một lần ở các tỉnh thuộc Không gian văn hoá Cồng chiêng Tây Nguyên.

.....
.....

- ☐ Lễ hội Cồng chiêng tái hiện nghi lễ truyền thống của các dân tộc Tây Nguyên như lễ Mừng lúa mới, lễ Cúng cơm mưa đầu mùa,...

.....

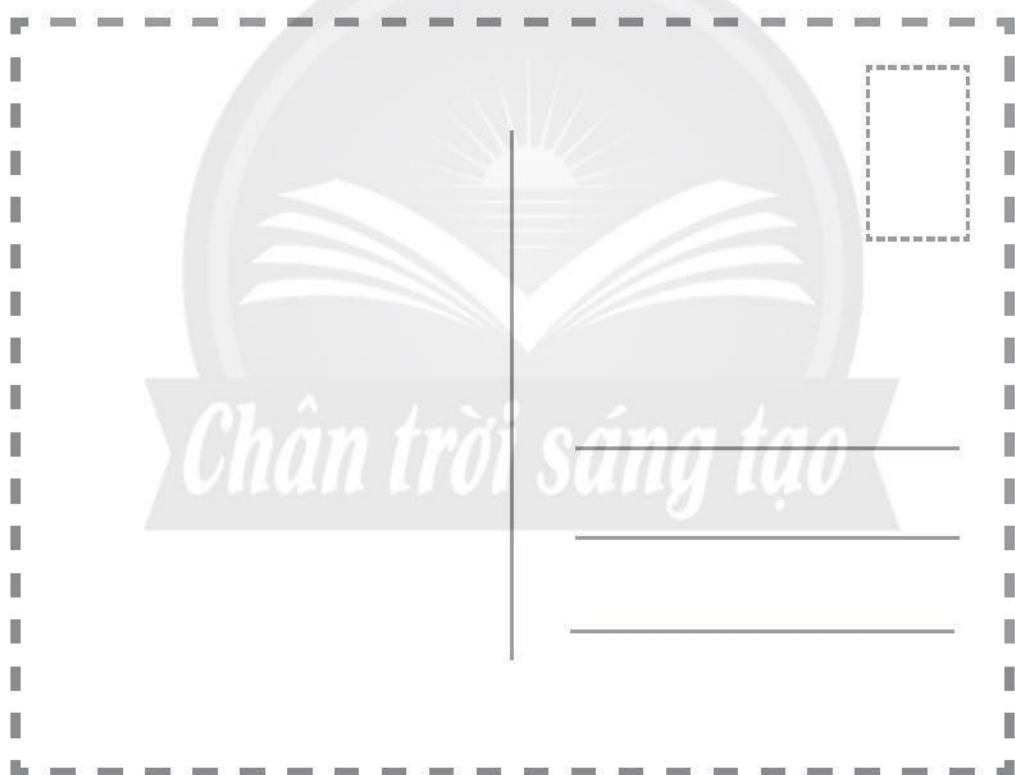
.....

- ☐ Lễ hội Cồng chiêng góp phần thúc đẩy sự giao lưu kinh tế, tăng thêm sự đoàn kết giữa các dân tộc ở Tây Nguyên.

.....

.....

Câu 4. Em hãy thiết kế một tấm bưu thiếp để giới thiệu về lễ hội Cồng chiêng Tây Nguyên.



Chủ đề 6: NAM BỘ

Bài 23

THIÊN NHIÊN VÙNG NAM BỘ

Câu 1. Quan sát hình 4 trang 93 trong SGK và dựa vào kiến thức đã học, em hãy đánh dấu ✓ vào ☐ trước thông tin đúng về vị trí địa lí của vùng Nam Bộ.

- ☐ Tiếp giáp với vùng Tây Nguyên và Đồng bằng Bắc Bộ.
- ☐ Tiếp giáp với vùng Duyên hải miền Trung ở phía tây.
- ☐ Tiếp giáp với một quốc gia duy nhất là Cam-pu-chia.
- ☐ Phía nam của vùng là vùng biển rộng lớn.

Câu 2. Em hãy khoanh tròn vào chữ cái ứng với ý đúng.

1. Ý nào dưới đây không đúng về địa hình vùng Nam Bộ?

- A. Khá cao, có các dãy núi lớn ở phía đông.
- B. Thấp, có một số ngọn núi khá cao.
- C. Đông Nam Bộ chủ yếu là đồi lượn sóng.
- D. Tây Nam Bộ thấp và khá bằng phẳng.

2. Ý nào dưới đây đúng về khí hậu vùng Nam Bộ?

- A. Nhiệt độ trung bình năm cao, trên 27°C.
- B. Lượng mưa trung bình năm thấp, dưới 500 mm.
- C. Khí hậu có bốn mùa rõ rệt.
- D. Mùa khô có nền nhiệt thấp và mưa ít.

3. Ý nào dưới đây đúng về đất của vùng Nam Bộ?

- A. Có nhiều loại đất, nhiều nhất là đất xám.
- B. Đất xám tập trung chủ yếu ở khu vực ven biển.
- C. Đất phù sa chiếm diện tích lớn nhất ở Tây Nam Bộ.
- D. Đất đỏ badan có diện tích nhỏ, chủ yếu để trồng lúa.

Câu 3. Dựa vào kiến thức đã học ở Bài 8 và Bài 23 trong SGK, em hãy:

1. Tìm ra hai điểm giống nhau về địa hình của vùng Đồng bằng Bắc Bộ và vùng Nam Bộ.

.....

.....

.....

.....

2. Tìm ra hai điểm khác nhau về khí hậu của vùng vùng Đồng bằng Bắc Bộ và vùng Nam Bộ.

.....

.....

.....

.....

Câu 4. Em hãy giải ô chữ hàng ngang theo gợi ý để tìm ra ô chữ hàng dọc.

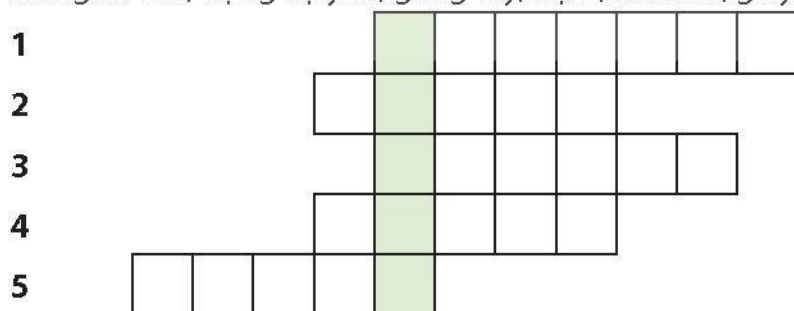
1. Hàng ngang thứ nhất (7 chữ cái): Tên dòng sông lớn chảy qua vùng Nam Bộ với hai nhánh sông chính là sông Tiền và sông Hậu.

2. Hàng ngang thứ tư (5 chữ cái): Tên ngọn núi cao nhất vùng Nam Bộ.

3. Hàng ngang thứ ba (6 chữ cái): Thời gian nắng nóng kéo dài, ít mưa ở vùng Nam Bộ.

4. Hàng ngang thứ hai (5 chữ cái): Tên loại đất có màu đỏ, thích hợp trồng cà phê, cao su.

5. Hàng ngang thứ năm (5 chữ cái): Tên cây công nghiệp dùng để lấy nhựa, được sản xuất thành các sản phẩm như: vỏ, ruột xe, các chi tiết trong xe hơi, dụng cụ y tế, găng tay, nệm, đồ chơi, giày dép,...



* Ô chữ hàng dọc:.....

Câu 5. Hoàn thành sơ đồ dưới đây về các thuận lợi và khó khăn của thiên nhiên Nam Bộ đến sản xuất và sinh hoạt.



Câu 6. Nam Bộ là vùng có thiên nhiên đa dạng, đặc sắc. Em hãy lựa chọn một số địa điểm du lịch hấp dẫn và cùng người thân lên lịch cụ thể cho hành trình khám phá 4 ngày, 3 đêm của gia đình mình nhé!

Ngày 1:

.....

Ngày 2:

.....

Ngày 3:

.....

Ngày 4:

.....

Bài 24

DÂN CƯ VÀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT Ở VÙNG NAM BỘ

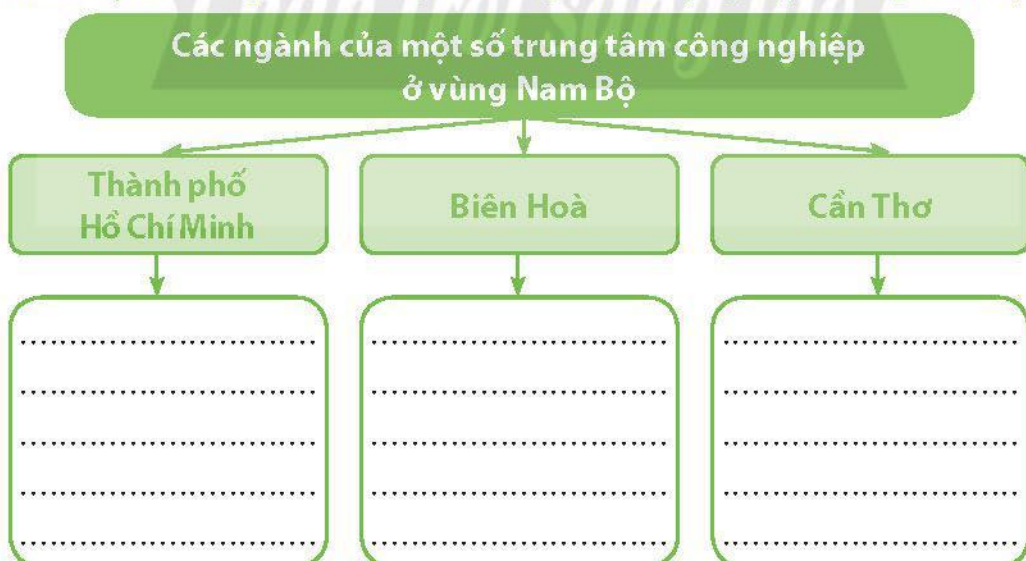
Câu 1. Em hãy chọn từ hoặc cụm từ thích hợp cho sẵn trong các ô dưới đây điền vào chỗ trống (.....) để hoàn thành đoạn thông tin.

ít	đông	Khơ-me
dân số	Hà Nội	Thái
dân tộc	Cần Thơ	thừa

Năm 2020, số dân vùng Nam Bộ là hơn 35 triệu người, nhất cả nước. Phần lớn dân cư của vùng tập trung ở đồng bằng và các đô thị. Thành phố Hồ Chí Minh, Biên Hoà, là những thành phố lớn.

Vùng có nhiều cùng sinh sống như người Kinh, Hoa, Chăm, Các dân tộc trong vùng sống chan hoà, đoàn kết và tạo nên nhiều nét văn hoá độc đáo cho vùng Nam Bộ.

Câu 2. Quan sát hình 3 trang 98 trong SGK, em hãy hoàn thành sơ đồ dưới đây về các ngành của một số trung tâm công nghiệp ở vùng Nam Bộ.



Câu 3. Kể tên các ngành công nghiệp ở các trung tâm công nghiệp dưới đây.

1. Thành phố Hồ Chí Minh:

.....

.....

2. Bà Rịa – Vũng Tàu:

.....

.....

3. Cần Thơ:

.....

.....

Câu 4. Dựa vào bảng số liệu dưới đây, em hãy thực hiện các yêu cầu.

Sản lượng lúa gạo các vùng ở nước ta, năm 2020

(Đơn vị: nghìn tấn)

Đồng bằng Bắc Bộ	Trung du và miền núi Bắc Bộ	Duyên hải miền Trung	Tây Nguyên	Nam Bộ
5 834	3 593	6 694	1 414	25 230

1. Xếp thứ tự tên các vùng theo sản lượng lúa gạo giảm dần.

.....

.....

2. Sản lượng lúa gạo vùng Nam Bộ nhiều hơn vùng Đồng bằng Bắc Bộ bao nhiêu tấn?

.....

.....

3. So sánh sản lượng lúa gạo của vùng Nam Bộ với tổng sản lượng lúa gạo của 4 vùng còn lại.

.....

.....

.....
.....

Câu 5. Em hãy giải ô chữ hàng ngang theo gợi ý để tìm ra ô chữ hàng dọc.

1. Hàng ngang thứ nhất (8 chữ cái): Loại cây được trồng nhiều ở ven sông Tiền, sông Hậu, dùng lấy quả để ăn như cam, xoài, sầu riêng,...

2. Hàng ngang thứ hai (3 chữ cái): Cây lương thực chính ở nước ta.

3. Hàng ngang thứ ba (3 chữ cái): Cây dùng sản xuất đường hoặc ăn trực tiếp, có vị ngọt.

4. Hàng ngang thứ tư (2 chữ cái): Vật nuôi cung cấp thịt, sữa ở vùng Nam Bộ.

5. Hàng ngang thứ năm (7 chữ cái): Hoạt động có mục đích của con người nhằm tạo ra các loại sản phẩm vật chất và tinh thần cho xã hội.

1



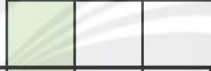
2



3



4

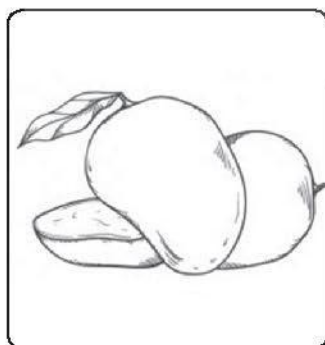


5

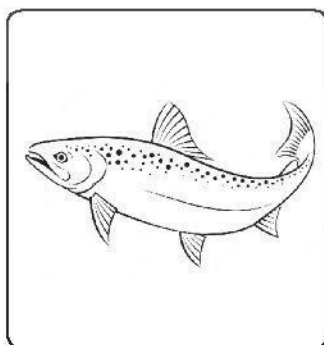


* Ô chữ hàng dọc:

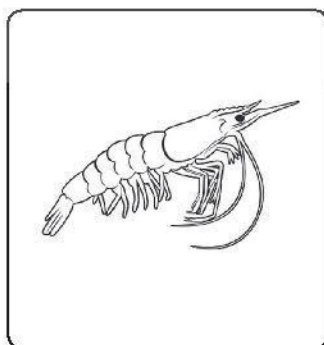
Câu 6. Em hãy tô màu cho các nông sản chính ở vùng Nam Bộ.



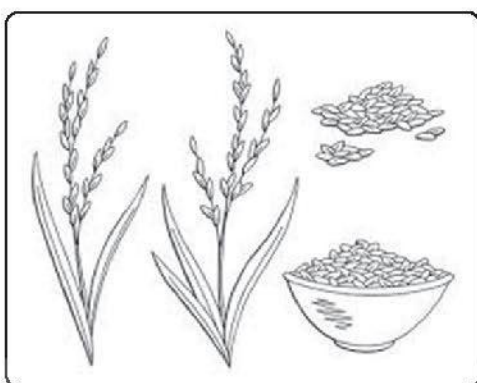
a) Xoài



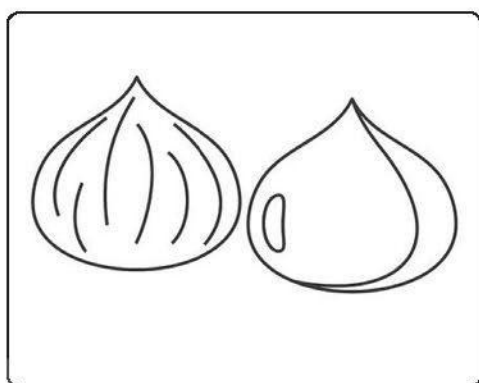
b) Cá hồi



c) Tôm



d) Lúa gạo



e) Hạt dẻ

Câu 7. Em hãy nối hoạt động sản xuất (cột A và cột C) và nơi phân bố chính (cột B) ở vùng Nam Bộ cho phù hợp.

Cột A	Cột B	Cột C
Sản xuất lúa	A. Long An	Nuôi trồng thủy sản
	B. Đồng Tháp	
	C. An Giang	
	D. Kiên Giang	
	E. Cà Mau	

Bài 25

MỘT SỐ NÉT VĂN HOÁ VÀ TRUYỀN THỐNG CÁCH MẠNG Ở VÙNG NAM BỘ

Câu 1. Em hãy giải ô chữ hàng ngang theo gợi ý để tìm ra ô chữ hàng dọc.

- Hàng ngang thứ nhất (7 chữ cái): Những ngôi nhà lá ở Nam Bộ thường được lợp bằng lá của loại cây gì?
- Hàng ngang thứ hai (6 chữ cái): Vùng Nam Bộ có nhiều sông ngòi, kênh rạch nên nhà ở của người dân nơi đây như thế nào?
- Hàng ngang thứ ba (6 chữ cái): Hãy cho biết tên của một chợ nổi đặc trưng ở Sóc Trăng.
- Hàng ngang thứ tư (5 chữ cái): Ở những vùng nước nổi, người dân Nam Bộ thường dựng kiểu nhà gì?
- Hàng ngang thứ năm (8 chữ cái): Em hãy điền từ còn thiếu vào chỗ trống (.....): Chợ nổi thường hoạt động nhất vào buổi sáng.

1										
2										
3										
4										
5										

* Ô chữ hàng dọc:

Câu 2. Em hãy nối tên các nhân vật (ở cột A) tương ứng với các sự kiện lịch sử (ở cột B) cho phù hợp.

Cột A	Cột B
	A. Thành lập nên “Đội quân tóc dài”.
1. Trương Định	B. Lập căn cứ, kiên trì chống giặc Pháp khắp vùng Rạch Giá, Hà Tiên và đảo Phú Quốc.
	C. Chỉ huy nghĩa quân đốt cháy tàu Hi Vọng của giặc Pháp trên sông Vàm Cỏ Đông.
2. Nguyễn Trung Trực	D. Người có câu nói nổi tiếng: “Bao giờ người Tây nhổ hết cỏ nước Nam thì mới hết người Nam đánh Tây”.
	E. Được Chủ tịch nước truy tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.
3. Nguyễn Thị Định	G. Tổ chức nghĩa quân chống giặc Pháp ở Gò Công, Tân An.

Câu 3. Em hãy vẽ và giới thiệu về một đặc trưng văn hoá của người dân Nam Bộ mà em thích.



1. Lí do chọn đặc trưng văn hoá này:

.....

2. Giới thiệu về đặc trưng văn hoá của người dân Nam Bộ (tên gọi, nội dung, ý nghĩa,...):

.....

Câu 4. Em hãy sưu tầm và xây dựng hồ sơ nhân vật tiêu biểu của Nam Bộ gắn với truyền thống yêu nước và cách mạng của vùng Nam Bộ theo gợi ý sau:

Hình ảnh nhân vật	THÔNG TIN CÁ NHÂN – Tên: – Quê quán: – Tiểu sử:
--------------------------	---

Bài 26

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Câu 1. Quan sát hình 2 trang 104 trong SGK, em hãy đánh dấu ✓ vào ☐ trước các tỉnh tiếp giáp với Thành phố Hồ Chí Minh.

☐ Bình Dương

☐ Long An

☐ Tây Ninh

☐ Bình Thuận

☐ Bình Phước

☐ Đồng Nai

☐ Thừa Thiên Huế

☐ Thanh Hoá

Câu 2. Hoàn thành thông tin trong trục thời gian dưới đây về một số sự kiện lịch sử có liên quan đến Thành phố Hồ Chí Minh.

..... 		
Năm 1689	Năm 1911	Năm 1975

Câu 3. Em hãy ghi tên các công trình ở Thành phố Hồ Chí Minh vào bảng theo ba lĩnh vực: kinh tế, văn hoá, giáo dục để chứng minh Thành phố Hồ Chí Minh là một trong những trung tâm kinh tế, văn hoá, giáo dục quan trọng của nước ta.

Lĩnh vực	Tên công trình (mỗi lĩnh vực ghi tên 3 công trình)		
Kinh tế			
Văn hoá			
Giáo dục			

Bài 27

ĐỊA ĐẠO CỬ CHI

Câu 1. Em hãy khoanh tròn chữ cái ứng với ý đúng.

1. *Địa đạo Củ Chi tọa lạc tại tỉnh, thành phố*

- A. Cần Thơ.
- B. Thành phố Hồ Chí Minh.
- C. Hải Phòng.
- D. Trà Vinh.

2. *Địa đạo Củ Chi được bắt đầu đào từ giai đoạn kháng chiến*

- A. chống thực dân Pháp.
- B. chống quân phiệt Nhật.
- C. chống đế quốc Mỹ.
- D. chống thực dân Anh.

3. *Địa đạo Củ Chi được đào sớm nhất tại xã nào của huyện Củ Chi?*

- A. Hoà Phú.
- B. Tân Thông Hội.
- C. Phước Hiệp.
- D. Tân Phú Trung.

4. *Ngày nay, Di tích Địa đạo Củ Chi được bảo tồn ở khu vực nào của huyện Củ Chi?*

- A. Bến Dược.
- B. Bến Đình.
- C. Cả A và B đúng.
- D. Cả A và B sai.

Câu 2. Đọc đoạn thông tin bên dưới và phát biểu cảm nghĩ của em về sự anh dũng của quân dân Củ Chi.

“Sự ngoan cường của du kích Củ Chi làm cho thế giới kinh ngạc. Tác giả J. P. Ha-ri-son (J. P. Harrison) mô tả: “Có một số vùng bị bắn phá bình quân 27 trái bom trên một mét vuông. Thế mà tại một làng (An Phú) nằm trong mục tiêu đó, một toán gồm sáu chiến sĩ kháng cự trong tám ngày chống lại 8 000 quân Mỹ trong khoảng đất một cây số vuông nhờ hệ thống địa đạo và hầm hố chằng chịt...”

(J. P. Ha-ri-son, dẫn theo *Lịch sử Nam Bộ kháng chiến*, tập 2 giai đoạn 1954 – 1975, trang 479)

Nêu cảm nghĩ của em về sự anh dũng của quân dân Củ Chi.



Câu 3. Em hãy sưu tầm một câu chuyện lịch sử về việc đào hầm ở Củ Chi mà em ấn tượng và cho biết tại sao em chọn câu chuyện này.

Handwriting practice lines with a dotted midline and a dashed baseline.

Câu 4. Em hãy nối hình ảnh (ở cột A) với thông tin (ở cột B) cho phù hợp.

Cột A



1.



2.



3.

Cột B

A. Hầm chông được xây dựng như một cái bẫy quân địch, được nguy trang bằng lá cây, cỏ tự nhiên. Hầm chông được bố trí nhiều ở các cửa hầm.

B. Hầm quân y, hầm giải phẫu được sử dụng như một trạm xá để chữa trị cho các thương binh. Bên trong hầm có các giường bệnh nhỏ và tủ để đựng các vật dụng cứu thương.

C. Bếp Hoàng Cầm có không gian hẹp gồm tủ gỗ, củi khô, nồi niêu,... Bếp có nhiều đường rãnh thoát khói, nối liền với lò bếp, bên trên rãnh đặt những cành cây và phủ một lớp đất mỏng được tưới nước để giữ độ ẩm. Đặc điểm này giúp làm tan loãng khói bếp toả ra khi nấu ăn, nhằm tránh sự phát hiện của quân địch.

*Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn
các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn
trong cuốn sách này.*

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập nội dung: NGUYỄN NGỌC THẠNH – ĐỖ XUÂN GIANG – TÔ HỒNG PHẤN

Biên tập mỹ thuật: PHẠM HOÀI THƯƠNG

Thiết kế sách: NGUYỄN THỊ HỒNG THOA

Trình bày bìa: ĐẶNG NGỌC HÀ

Sửa bản in: NGUYỄN NGỌC THẠNH – ĐỖ XUÂN GIANG – TÔ HỒNG PHẤN

Chế bản: CÔNG TY CP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC GIA ĐỊNH

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và Công ty cổ phần Dịch vụ xuất bản giáo dục Gia Định.

VỞ BÀI TẬP LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 4 (Chân trời sáng tạo)

Mã số: G2BH4U001M23

In ... bản, (QĐ ... - NXBGDHN) khổ 17 x 24 cm.

Đơn vị in:

Cơ sở in:

Số ĐKXB: 10-2023/CXBIPH/11-2157/GD

Số QĐXB: .../QĐ-GD-HN ngày ... tháng ... năm ...

In xong và nộp lưu chiểu quý ... năm 202...

Mã số ISBN: 978-604-0-35213-2



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH



BỘ VỞ BÀI TẬP LỚP 4 – CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

- | | |
|--|---|
| 1. Vở bài tập
TIẾNG VIỆT 4 – TẬP MỘT | 9. Vở bài tập
TIN HỌC 4 |
| 2. Vở bài tập
TIẾNG VIỆT 4 – TẬP HAI | 10. Vở bài tập
CÔNG NGHỆ 4 |
| 3. Vở bài tập
TOÁN 4 – TẬP MỘT | 11. Vở bài tập
ÂM NHẠC 4 |
| 4. Vở bài tập
TOÁN 4 – TẬP HAI | 12. Vở bài tập
MĨ THUẬT 4 (BẢN 1) |
| 5. TIẾNG ANH 4 Family and Friends
(National Edition) – Workbook | 13. Vở bài tập
MĨ THUẬT 4 (BẢN 2) |
| 6. Vở bài tập
ĐẠO ĐỨC 4 | 14. Vở bài tập
HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM 4 (BẢN 1) |
| 7. Vở bài tập
KHOA HỌC 4 | 15. Vở bài tập
HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM 4 (BẢN 2) |
| 8. Vở bài tập
LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 4 | |

Các đơn vị đầu mối phát hành

- **Miền Bắc:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc
- **Miền Trung:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Trung
- **Miền Nam:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Nam
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long

Sách điện tử: <http://hanhtrangso.nxbgd.vn>

Kích hoạt để mở học liệu điện tử: Cào lớp nhú trên tem để nhận mã số. Truy cập <http://hanhtrangso.nxbgd.vn> và nhập mã số tại biểu tượng chia khóa.



ISBN 978-604-0-35213-2



Giá: đ